

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

CHÂU BÌNH YÊN

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH
GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP
Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN YÊN SƠN,
TỈNH TUYÊN QUANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2015

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

CHÂU BÌNH YÊN

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH
GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP
Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN YÊN SƠN,
TỈNH TUYÊN QUANG**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60.14.01.14**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

THÁI NGUYÊN - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả luận văn

Châu Bình Yên

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy giáo, cô giáo đã tham gia giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập cũng như trong thời gian triển khai thực hiện đề tài.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc nhất tới:

TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới: Khoa đào tạo sau đại học trường ĐHSP Thái Nguyên; Ban giám hiệu, tổ trưởng tổ chuyên môn và chủ nhiệm, các GVCN của trường THCS Chân Sơn, Thắng Quân, Trung Môn, Kim Phú, Hoàng Khai, Phú Lâm - Yên Sơn - Tuyên Quang đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu đề tài của mình.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do thời gian nghiên cứu có hạn, kinh nghiệm nghiên cứu chưa nhiều, nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả kính mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của Hội đồng khoa học, các thầy, cô giáo và các bạn đồng nghiệp.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2015

Tác giả luận văn

Châu Bình Yên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
4. Giả thuyết khoa học	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	3
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc luận văn	4
Chương 1. LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ	
GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP	5
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề.....	5
1.1.1. Một số nghiên cứu ở nước ngoài	5
1.1.2. Một số nghiên cứu ở trong nước.....	6
1.2. Một số khái niệm	9
1.2.1. Khái niệm quản lý giáo dục (QLGD)	9
1.2.2. Trở ngại và trở ngại tâm lý trong học tập	11
1.2.3. Học sinh trung học cơ sở	12
1.3. Trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh trung học cơ sở	12
1.3.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh THCS.....	12
1.3.2. Biểu hiện trở ngại tâm lý của học sinh THCS trong học tập	14
1.4. Quản lý giáo dục học sinh trung học cơ sở gặp trở ngại về tâm lý của người hiệu trưởng.....	17
1.4.1. Chức năng nhiệm vụ của hiệu trưởng THCS	17

1.4.2. Nội dung và biện pháp quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người hiệu trưởng	19
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập	23
1.5.1. Yếu tố chủ quan	23
1.5.2. Yếu tố khách quan	23
Kết luận chương 1	25
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH GẶP TRỞ NGẠI...	26
2.1. Về Giáo dục - đào tạo huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.....	26
2.1.1. Những kết quả đạt được.....	26
2.1.2. Một số tồn tại	27
2.2. Tình hình học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS Yên Sơn, Tuyên Quang hiện nay	28
2.2.1. Kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh THCS thuộc địa bàn nghiên cứu	28
2.2.2. Biểu hiện trở ngại về tâm lý trong học tập của học sinh THCS 6 trường thuộc địa bàn nghiên cứu.....	35
2.3. Quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của học sinh THCS Yên Sơn hiện nay	38
2.3.1. Nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập.....	39
2.3.2. Thực trạng nội dung và biện pháp quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập.....	41
2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý giáo dục học sinh THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang gặp trở ngại tâm lý trong học tập	63
2.4.1. Các yếu tố chủ quan.....	63
2.4.2. Các yếu tố Khách quan	63
Kết luận chương 2.....	66
Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG.....	67

3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp	67
3.1.1. Đảm bảo tính đồng bộ.....	67
3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn.....	67
3.1.3. Đảm bảo tính khả thi.....	68
3.1.4. Đảm bảo tính hiệu quả.....	68
3.2. Biện pháp cụ thể	68
3.2.1. Nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS	68
3.2.2. Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm	71
3.2.3. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.....	72
3.2.4. Phát huy vai trò của đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.....	73
3.2.5. Tăng cường kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý.....	74
3.2.6. Phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý.....	75
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	81
3.4. Nhận thức của khách thể nghiên cứu về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.....	83
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	87
1. Kết luận.....	87
2. Khuyến nghị.....	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

THCS	: Trung học cơ sở
QLGD	: Quản lý Giáo dục
THPT	: Trung học phổ thông
GVCN	: Giáo viên chủ nhiệm
GVBM	: Giáo viên bộ môn
ĐDCMHS	: Đại diện cha mẹ học sinh
BGH	: Ban giám hiệu
GD	: Giáo dục
GDQF	: Giáo dục quốc phòng
GDNGLL	: Ngoài giờ lên lớp
QĐ	: Quyết định
GD & ĐT (GD - ĐT)	: Giáo dục và đào tạo
TDTT	: Thể dục thể thao
CMHS	: Cha mẹ học sinh
PHHS	: Phụ huynh học sinh
HS	: Học sinh
HĐGD	: Hoạt động giáo dục
NQ	: Nghị quyết
TU	: Tỉnh ủy
UBND	: Ủy ban nhân dân
KH	: Kế hoạch
CBQL	: Cán bộ quản lý
GV	: Giáo viên
CBGV	: Cán bộ giáo viên
CNH - HĐH	: Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa
TNTPHCM	: Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh
HT	: Hiệu trưởng
XHHGD	: Xã hội hóa giáo dục
BPQL	: Biện pháp quản lý
BP	: Biện pháp
CT	: Cần thiết
KT	: Khả thi
NXB	: Nhà xuất bản
GDTWI	: Giáo dục trung ương I
HCM	: Hồ Chí Minh
BGDĐT	: Bộ Giáo dục đào tạo
RQT	: Rất quan trọng
RTX	: Rất thường xuyên
TX	: Thường xuyên

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng:

Bảng 2.1.	Kết quả hai mặt giáo dục khối THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm học 2012 - 2015 ở các trường đã nghiên cứu	28
Bảng 2.2.	Biểu hiện hành vi gây trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	36
Bảng 2.3.	Ý kiến của CBQL và GV trường THCS huyện Yên Sơn về tầm quan trọng của việc quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập	39
Bảng 2.4.	Lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người Hiệu trưởng các trường THCS Yên Sơn	43
Bảng 2.5.	Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của hiệu trưởng các trường THCS huyện Yên Sơn	45
Bảng 2.6.	Chỉ đạo GVCN thực hiện kế hoạch thông qua giờ sinh hoạt lớp của hiệu trưởng các trường THCS huyện Yên Sơn	47
Bảng 2.7.	Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm của hiệu trưởng các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	51
Bảng 2.8.	Chỉ đạo sự phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	55
Bảng 2.9.	Chỉ đạo phối hợp giữa GVCN với ban đại diện cha mẹ học sinh các trường THCS huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	59
Bảng 2.10.	Kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	61
Bảng 2.11.	Những yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của các trường THCS trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	64
Bảng 3.1.	Tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất	84
Bảng 3.2.	Mức độ tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	86

Biểu đồ:

Sơ đồ 3.1.	Mối quan hệ giữa các biện pháp.....	83
------------	-------------------------------------	----

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trẻ em là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ kế tiếp giống nòi. Nói về trẻ em chúng ta thường dùng những từ ưu ái nhất, “trẻ em như búp trên cành”, “trẻ em hôm nay thế giới ngày mai”,... Đất nước và cả nhân loại, luôn quan tâm, mong đợi hy vọng nhiều ở trẻ em

Cuộc sống đổi mới và hiện đại hôm nay đem lại cho các em nhiều yếu tố tích cực nhưng cũng đã tạo cho các em môi trường đầy biến động, trong đó có những tác động tiêu cực. Đó là những nguyên nhân tạo ra “trở ngại tâm lý ở trẻ em” hiện nay. Thực trạng này là mối lo lắng của toàn xã hội.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, học sinh luôn phải tham gia vào các hoạt động khác nhau. Có thể nói, hoạt động là điều kiện để tồn tại và phát triển của học sinh. Song, trong quá trình hoạt động của mình, học sinh luôn đối mặt với những khó khăn, những trở ngại kìm hãm quá trình hoạt động. Nếu học sinh muốn tiếp tục phát triển thì nhất định phải vượt qua những khó khăn, trở ngại đó.

Những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động của mình, có thể là những khó khăn khách quan, do điều kiện bên ngoài mang lại, hoặc cũng có thể do chủ quan bản thân học sinh tạo nên. Những khó khăn này tựu chung lại, chúng là những rào cản tâm lý hay trở ngại về tâm lý có thể xuất hiện ở bất cứ giai đoạn nào của quá trình hoạt động của học sinh. Vì thế, vấn đề khắc phục, hạn chế những trở ngại tâm lý trong quá trình học tập, tạo điều kiện cho học sinh phát triển và hoàn thiện nhân cách, luôn luôn được đặt ra và đòi hỏi phải giải quyết kịp thời.

Mặt khác hoạt động học tập là một trong những hoạt động chủ đạo trong sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi con người. Trong đó hoạt động học tập không chỉ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cá nhân mỗi học sinh, mà nó còn có vai trò, ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội,... của đất nước.

Đối với học sinh, học tập là một trong những hoạt động chính, không thể thiếu, nhằm tiếp thu, lĩnh hội tri thức, kinh nghiệm xã hội lịch sử của xã hội loài người đã được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Hiện nay học sinh các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đặc biệt là học sinh khối 6 gặp trở ngại tâm lý trong học tập với tỉ lệ cao. Học sinh đang thực hiện bước chuyển tiếp từ môi trường học tập ở bậc tiểu học sang môi trường học tập ở bậc trung học với nhiều khác biệt về khối lượng, nội dung tri thức, phương pháp giảng dạy, hình thức học tập. Ngoài ra học sinh còn phải đối mặt với nhiều khó khăn: Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn, tri thức cấp dưới còn nghèo nàn, xuất thân ở những gia đình hoàn cảnh và điều kiện kinh tế khác nhau. Tất cả những sự khác biệt đó đã gây không ít khó khăn tâm lý khiến học sinh rất dễ chán nản, bỏ bê việc học tập dẫn đến tình trạng không theo kịp, không đáp ứng được yêu cầu học tập.

Vì vậy, việc phát hiện trở ngại tâm lý cụ thể và tìm ra biện pháp khắc phục những trở ngại tâm lý này trong hoạt động của học sinh THCS là việc làm cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả học tập của học sinh.

Trong lĩnh vực QLGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý luôn là vấn đề quan trọng và mang tính cấp thiết. Trong những năm qua công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong nhà trường ở nước ta được quan tâm rất nhiều. Các hội thảo về quản lý giáo dục học sinh cấp THCS, THPT về nhiều mặt đã được tổ chức ở huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang chưa có tác giả nào quan tâm nghiên cứu.

Xuất phát từ ý nghĩa của vấn đề và thực trạng công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đang có chiều hướng tăng cao đã đưa tôi đến quyết định lựa chọn đề tài: ***“Quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang”*** để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận và khảo sát thực trạng đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở địa bàn nghiên cứu.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Biện pháp quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của hiệu trưởng các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Giả thuyết khoa học

Đa số học sinh khối 6 của các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang gặp phải trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập. Nếu có các biện pháp phù hợp như nâng cao nhận thức của GVCN, GVBM về tầm quan trọng của việc lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập; Phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội, Ban ĐDCMHS trong công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập; quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Hệ thống hóa lý luận về quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

5.2. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

5.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Về khách khảo sát: Khảo sát BGH, GVCN và trên bộ phận học sinh khối 6.

6.2. Về nội dung khảo sát: biểu hiện của trở ngại tâm lý trong học tập ở nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh. Trong phạm vi đề tài, chúng tôi nghiên cứu trở ngại tâm lý trong học tập biểu hiện ở hành vi của học sinh mà giáo viên quan sát được. Từ đó, đề xuất biện pháp quản lý giáo dục học sinh, giúp các em khắc phục những trở ngại về tâm lý góp phần nâng cao chất lượng dạy - học.

6.3. Về địa bàn khảo sát: Huyện Yên Sơn có 31 trường THCS, vì thời gian nghiên cứu có hạn nên tác giả chỉ đi nghiên cứu 6 trường THCS trên địa bàn huyện. Đó là các trường THCS Chân Sơn, Thắng Quân, Trung Môn, Kim Phú, Hoàng Khai, Phú Lâm.

6.4. Về thời gian: Khảo sát 3 năm học: 2012 - 2013; 2013 - 2014; 2014 - 2015.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng phương pháp này để hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến để thu thập thông tin, xác định các trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh và các yếu tố ảnh hưởng tới việc học tập của học sinh.

7.2.2. Phương pháp quan sát: Sử dụng phương pháp này để quan sát các biểu hiện tâm lý và trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh, từ đó đưa ra các đánh giá khách quan về đối tượng nghiên cứu.

7.2.3. Phương pháp chuyên gia: Xin ý kiến chuyên gia về phương pháp giáo dục học sinh và ý kiến của họ về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

7.2.4. Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn giáo viên, học sinh để thu thập thông tin cần thiết hỗ trợ cho các phương pháp nghiên cứu khác.

7.2.5. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Sử dụng phương pháp này để tổng kết kinh nghiệm khắc phục những trở ngại tâm lý trong học tập của hiệu trưởng các trường THCS.

7.2.6. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động: thông qua sản phẩm hoạt động của học sinh, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập và các trở ngại về tâm lý trong học tập của học sinh.

7.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng toán thống kê

Phương pháp này được sử dụng trong việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của đề tài.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn chia làm 3 chương:

Chương 1. Lý luận về quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

Chương 2. Thực trạng quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Chương 3. Biện pháp quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Vấn đề trở ngại tâm lý nói chung, trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập nói riêng đã được nhiều nhà tâm lý xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều khách thể khác nhau. Sau đây là vài nét sơ lược một số công trình nghiên cứu về trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập trong và ngoài nước.

1.1.1. Một số nghiên cứu ở nước ngoài

Đối với con người, học tập là phương thức để tiếp thu tri thức, kỹ năng nhằm mục đích nhận biết, tác động, cải tạo thế giới hiện thực, phục vụ lợi ích cho con người. Lịch sử loài người đã chứng minh, chỉ thông qua con đường học tập, thì những di sản văn hóa vật chất, tinh thần từ thế hệ trước mới được lưu truyền cho thế hệ sau và cũng nhờ đó mà những giá trị này mới còn tồn tại. Tuy nhiên, học tập không phải là một hoạt động đơn giản. Trong quá trình biến tri thức nhân loại thành vốn kinh nghiệm riêng của cá nhân con người đã gặp không ít khó khăn, trong đó có những trở ngại về mặt tâm lý.

Khi bàn về trở ngại tâm lý trong học tập, tác giả Pêtrốpski A.V. hướng đến đối tượng là trở ngại tâm lý của trẻ em khi vào lớp một. Ông chia những khó khăn này ra làm 3 loại: [14]

- Loại 1: Những khó khăn có liên quan đến đặc điểm của chế độ học tập mới.
- Loại 2: Khó khăn trong việc thiết lập mối quan hệ giao tiếp mới với thầy cô và bạn bè.

- Loại 3: Khó khăn trong việc thích nghi với hoạt động mới. Lúc đầu trẻ được sự chuẩn bị của gia đình, nhà trường, xã hội nên có tâm lý vui thích và sẵn sàng đi học. Về sau trẻ giảm dần khát vọng và chán học.

Bên cạnh đó, tác giả đề cập đến những nguyên nhân dẫn đến trở ngại và ảnh hưởng của chúng đến đời sống của trẻ đồng thời đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn cho trẻ.

Cũng đề cập đến vấn đề trở ngại tâm lý của trẻ em khi vào lớp một, nhà tâm lý học Debesse Mauricè trong công trình nghiên cứu của mình đã gọi lớp một là *“trang sử mới của cuộc đời đứa trẻ”*. Đồng thời Mauricè Debesse cũng chỉ ra rằng *“đứng trước ngưỡng cửa lớp một trẻ em gặp rất nhiều trở ngại về tâm lý. Chính những trở ngại này làm cản trở tới sự thích ứng với hoạt động học tập của trẻ, làm trẻ sợ học, không muốn đến trường và kết quả học tập không cao”* [6].

Bianka Zazzo, nhà tâm lý học và giáo dục người Pháp, cùng với các cộng sự của mình thuộc trung tâm nghiên cứu trẻ em của Đại học Paris 10 đã tiến hành nghiên cứu về bước chuyển từ mẫu giáo lên cấp một của trẻ em. Tác giả đã chỉ ra rằng, trở ngại tâm lý lớn nhất mà trẻ gặp phải làm cản trở tới sự thích ứng với hoạt động học tập của trẻ là *“sự thay đổi môi trường hoạt động một cách triệt để, gọi là chuyển dạng hoạt động chủ đạo. Mẫu giáo lấy hoạt động vui chơi làm chủ đạo, vừa học vừa chơi, hoạt động đa dạng, tính tự do tùy hứng cá nhân nặng hơn tính chỉ đạo của giáo viên. Bước vào lớp một, học tập là chủ đạo, học sinh phải học nghiêm chỉnh theo sự chỉ đạo của giáo viên, theo nguyên tắc lớp học”* [4].

Tóm lại, trở ngại tâm lý trong học tập là một hiện tượng tâm lý phức tạp. Dù trong công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đã có những đóng góp nhất định trong việc phát hiện và nêu ra một trở ngại tâm lý, đồng thời chỉ ra nguyên nhân của những trở ngại tâm lý đó. Tuy nhiên, đối tượng mà các công trình nghiên cứu này hướng tới chủ yếu là những trở ngại tâm lý của trẻ vào lớp một, đồng thời họ cũng chưa nêu được định nghĩa cũng như vạch ra bản chất của những trở ngại tâm lý đó.

1.1.2. Một số nghiên cứu ở trong nước

Nghiên cứu về những trở ngại tâm lý trong quá trình con người tham gia vào các hoạt động khác nhau, là vấn đề hiện nay đang được chú ý quan tâm của các nhà tâm lý học trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Nhiều công trình nghiên cứu trong khoảng thời gian gần đây đã cho thấy điều này. Dưới đây là một số công trình nghiên cứu tiêu biểu.

Trong tác phẩm “Nỗi khổ của con em chúng ta”, bác sỹ Nguyễn Khắc Viện đã nêu ra những trở ngại tâm lý mà học sinh lớp một gặp phải đó là: [28]

- Trẻ phải giữ kỷ luật lớp học.
- Trẻ phải học chương trình nặng hơn so với tuổi mẫu giáo.
- Trẻ ít được bố mẹ vỗ về âu yếm hơn trước và trẻ luôn chịu sự kiểm tra, đánh giá của bố mẹ,...

Nhà giáo dục Nguyễn Thị Nhất trong tác phẩm “6 tuổi vào lớp 1” đã phát hiện ra nhiều trở ngại tâm lý mà trẻ lớp một phải vượt qua. Tác giả cho rằng *“trong quá trình lớn lên của trẻ em có những bước ngoặt chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác đòi hỏi trẻ em phải thay đổi phương thức sinh hoạt một cách triệt để”*. Đồng thời tác giả cũng nêu ra một số trở ngại tâm lý cụ thể mà trẻ lớp một phải vượt qua [13]:

- Trẻ phải rời bỏ cuộc sống thoải mái, đa dạng, vui nhộn, hoạt động tùy hứng ở mẫu giáo và khép mình vào kỷ luật nghiêm khắc của lớp học phổ thông.
- Trẻ gặp khó khăn trong quan hệ với giáo viên.
- Trẻ bị “vỡ mộng” khi vào học lớp một vì sự hân hoan hồi hộp chờ đón những điều hấp dẫn được thay bằng những điều khác xa với tưởng tượng của trẻ.

Năm 1995, Tác giả Nguyễn Minh Hải tiến hành nghiên cứu đề tài “Những khó khăn tâm lý trong quá trình giải toán của học sinh tiểu học”, đăng trên tạp chí nghiên cứu giáo dục (số 4) [9].

Giáo sư Phạm Ngọc Viễn trong cuốn tâm lý học thể thao đã tập trung phân tích biện pháp cơ bản của công tác huấn luyện tâm lý chung cho các vận động viên, qua đó nêu ra các trở ngại tâm lý thể hiện dưới dạng các cảm giác sợ hãi, không tin tưởng, do dự trong quyết định,... Những khó khăn tâm lý này thường xuất hiện trong điều kiện thi đấu, bị chi phối bởi các yếu tố như: khởi động không thành công, đối

phương của mình có thành tích cao, trọng tài đánh giá thiếu khách quan. Các trở ngại tâm lý rất đa dạng về nội dung, song có thể chia thành 3 mặt như sau: Những trở ngại về mặt nhận thức; những trở ngại về cảm xúc; những trở ngại về đạo đức.

Tác giả Nguyễn Xuân Thức, trong bài viết “Các nguyên nhân dẫn đến trở ngại tâm lý của học sinh đi học lớp một” đã nêu ra các nguyên nhân cụ thể như sau: [24]

- Các nguyên nhân chủ quan:

- + Trẻ chưa hiểu rõ nội quy.
- + Trẻ được chuẩn bị quá kỹ trước khi tới trường.
- + Trẻ không được chuẩn bị tâm lý sẵn sàng đi học.
- + Do tính cách của trẻ.
- + Do trẻ chưa đủ tuổi đến trường.
- + Do trẻ mắc một số bệnh bẩm sinh

- Các nguyên nhân khách quan:

- + Nhóm nguyên nhân thuộc về gia đình.
- + Nhóm nguyên nhân thuộc về nhà trường.
- + Nhóm nguyên nhân thuộc về xã hội.

Tác giả cho rằng, các nguyên nhân chủ quan là những nguyên nhân gây ra trở ngại tâm lý nhiều hơn cho học sinh lớp một. Ngoài ra tác giả cũng đưa ra một số giải pháp sư phạm để tháo gỡ những trở ngại tâm lý cho trẻ.

Tác giả Nguyễn Thanh Sơn, trong bài viết “Những trở ngại của học sinh miền núi khi học tập văn học cổ điển Việt Nam”, đã phân tích những trở ngại của học sinh miền núi khi học tập tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam và chỉ ra những trở ngại mà học sinh gặp phải là: [21]

- Hoàn cảnh giao tiếp thông tin của học sinh miền núi bị hạn chế.
- Vốn từ ngữ của học sinh miền núi còn thiếu và yếu.
- Năng lực cảm thụ một câu thơ, một đoạn thơ yếu...

Trong bài viết “Một số trở ngại tâm lý của trẻ em khi vào lớp một”, tác giả Vũ Ngọc Hà đã nêu ra một số trở ngại tâm lý mà khi vào học lớp một trẻ em thường gặp phải. Đó là [8]:

- Trở ngại trong việc thích nghi với môi trường mới.
- Trở ngại trong các mối quan hệ.
- Trở ngại khi phải đến trường.

Những năm gần đây có một số luận văn thạc sĩ đã quan tâm nghiên cứu về trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh như:

Năm 2001, luận văn thạc sĩ “Tìm hiểu những trở ngại tâm lý trong quá trình giải bài tập hình học của học sinh lớp 11 trung học phổ thông” của tác giả Nguyễn Thị Nhân Ái [1].

Nhìn chung các công trình nghiên cứu đã tập chung làm rõ nhiều vấn đề xung quanh khái niệm trở ngại tâm lý. Đó là việc làm rõ khái niệm, bản chất, vạch ra những trở ngại, khó khăn tâm lý đồng thời làm rõ nguyên nhân và những biện pháp tác động thích hợp nhằm làm hạn chế và tiến tới loại bỏ những tác động tiêu cực. Tuy nhiên phạm vi tiến hành nghiên cứu còn rất hạn chế, chủ yếu tập chung nghiên cứu những trở ngại tâm lý trong quá trình giao tiếp; một số nghiên cứu về những trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh. Mặt khác, các đề tài phần lớn chỉ nghiên cứu khách thể là giáo viên, sinh viên, học sinh tiểu học, học sinh THPT, trong kinh doanh... Mà chưa chú ý đến đối tượng học sinh THCS và một số ngành nghề khác. Trong thực tế, vấn đề trở ngại tâm lý luôn luôn tồn tại trong tất cả các loại hình hoạt động của con người; do đó vấn đề nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân và khắc phục trở ngại tâm lý trong các loại hoạt động khác ngoài hoạt động giao tiếp là hết sức cần thiết.

Tiến hành đề tài với mong muốn tìm ra những nguyên nhân và các biện pháp khắc phục, tiến tới loại bỏ những trở ngại tâm lý có tác động tiêu cực đến hoạt động học tập của học sinh nói riêng, đặc biệt là học sinh cấp THCS.

1.2. Một số khái niệm

1.2.1. Khái niệm quản lý giáo dục (QLGD)

Quản lý là những hoạt động cần thiết được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành một tổ chức, là một phương thức làm cho những hoạt động của tổ chức được hoàn thành với hiệu suất cao. Quản lý bao gồm 4 chức năng: hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát.

Khái niệm quản lý được tiếp cận bằng nhiều cách khác nhau như: tiếp cận kiểu kinh nghiệm, tiếp cận theo hành vi quan hệ cá nhân, tiếp cận tác nghiệp... Vì thế, tác giả khác nhau đưa ra những quan điểm khác nhau. Có thể dẫn một số tác giả tiêu biểu như sau:

Theo tác giả Hoàng Tâm Sơn: *“Quản lý là quá trình tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý, nhằm sử dụng hiệu quả các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu đề ra trong điều kiện biến động của môi trường”* [20].

Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: Hoạt động quản lý là hoạt động bao gồm 2 quá trình “Quản” và “Lý” kết hợp với nhau trong đó “Quản” có nghĩa là duy trì và ổn định hệ. “Lý” có nghĩa là sửa sang, sắp xếp đưa về thể phát triển. Nếu chỉ “Quản” mà không “Lý” thì tổ chức dễ trì trệ, nếu chỉ “Lý” mà không “Quản” thì phát triển không bền vững. Do đó “quản phải có lý” và ngược lại, làm cho hệ thống cân bằng động, vận động phù hợp thích ứng và có hiệu quả trong môi trường tương tác giữa các nhân tố bên trong và các nhân tố bên ngoài [3].

Theo Tác giả Nguyễn Ngọc Quang: *“quản lý là tác động có mục đích có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể những người lao động nói chung là khách thể quản lý nhằm thực hiện được mục tiêu dự kiến”* [15].

Theo thuyết quản lý hiện đại thì quản lý là quá trình làm việc với nhau và thông qua những người khác để thực hiện các mục tiêu của tổ chức trong một môi trường luôn biến động.

Quản lý là sự tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý lên khách thể quản lý trong một tổ chức, nhằm tạo cho tổ chức vận hành và đạt được mục tiêu đã đề ra.

Mặc dù các tác giả định nghĩa khác nhau về quản lý, nhưng đều có sự thống nhất ở một số điểm, đó là tác động có tính tự giác, tính mục đích, tính kế hoạch và tính phương pháp của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục đích đề ra.

Quản lý giáo dục cũng được hiểu theo nhiều cấp độ: cấp độ vi mô và cấp độ vĩ mô.

- Về cấp độ vĩ mô, quản lý giáo dục được hiểu là quản lý một nền GD, một hệ thống GD. Đó là những tác động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống và hợp quy luật của chủ thể quản lý đến tất cả các khâu trong hệ thống nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển GD.

- Về cấp độ vi mô, quản lý GD được hiểu là một quản lý một nhà trường; là những tác động của chủ thể quản lý vào quá trình GD, được tiến hành bởi giáo viên và HS với sự hỗ trợ đặc lực của các lực lượng xã hội nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách HS theo mục tiêu đào tạo của nhà trường.

1.2.2. Trở ngại và trở ngại tâm lý trong học tập

Theo từ điển Tiếng Việt thì “trở ngại” có nghĩa là sự khó khăn làm mất nhiều công sức hoặc thiếu thốn.

Từ điển Anh - Việt thì “difficulty” hoặc “hardship” để dùng chỉ sự trở ngại, gay go, khắc nghiệt đòi hỏi nhiều nỗ lực để khắc phục [25].

Như vậy, từ các định nghĩa trên ta có thể thấy khi nói đến trở ngại nghĩa là nói đến những gì cản trở, khó khăn, đòi hỏi nhiều nỗ lực để vượt qua.

Trong thực tiễn, khi tiến hành bất cứ một hoạt động nào con người đều gặp phải những trở ngại, làm cho hoạt động chệch hướng, làm giảm đi hiệu quả mong muốn, thậm chí không đạt hiệu quả hoạt động. Những trở ngại này, được tạo nên bởi các yếu tố mang tính chất tiêu cực. Đó là những yếu tố khách quan (bên ngoài) và yếu tố chủ quan (bên trong).

Những yếu tố bên ngoài, được hiểu là những điều kiện, phương tiện, môi trường... Đây là những yếu tố có ảnh hưởng gián tiếp đến tiến trình hoạt động của con người.

Những yếu tố bên trong, chính là những yếu tố xuất phát từ bản thân mỗi cá nhân khi tham gia vào hoạt động đó, như nhận thức, thái độ tình cảm, năng lực, vốn kinh nghiệm, thao tác kỹ năng tiến hành hoạt động. Xét theo phương diện nguồn gốc xuất phát, các yếu tố bên trong có thể chia thành hai loại: yếu tố sinh học và yếu tố tâm lý. Những trở ngại do yếu tố tâm lý tạo nên gọi là những trở ngại tâm lý. Chính yếu tố bên trong này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình và kết quả hoạt động của con người.

Xuất phát từ quan điểm trên, trở ngại tâm lý trong đề tài này được hiểu như sau:

Trở ngại tâm lý là những nét tâm lý cá nhân, nảy sinh trong quá trình hoạt động của chủ thể, gây cản trở, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hoạt động và hiệu quả hoạt động của chủ thể.

1.2.3. Học sinh trung học cơ sở

Học sinh THCS có độ tuổi từ 11 đến 14 tuổi, từ lớp 6 đến lớp 9. Học sinh tốt nghiệp THCS có thể có một nghề nghiệp nhất định bằng việc học nghề hay trung cấp chuyên nghiệp.

Học sinh THCS phải học các môn sau: toán, vật lý, hóa học, sinh học, công nghệ, ngữ văn, lịch sử, địa lý, giáo dục công dân, ngoại ngữ, thể dục, âm nhạc, mỹ thuật, tin học... Ngoài ra học sinh THCS còn có thêm một số tiết bắt buộc: giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp...

Học sinh được xét tốt nghiệp dựa trên thành tích học tập tích lũy trong 4 năm. Muốn học cao hơn học sinh phải tham dự các kỳ thi tuyển sinh.

1.3. Trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh trung học cơ sở

1.3.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh THCS

Đây là thời kỳ chuyển tiếp từ tuổi thơ ấu sang tuổi trưởng thành. Thời kỳ lứa tuổi phát triển mạnh mẽ nhưng không đồng đều về mặt cơ thể, sự phát triển thể chất nhanh chóng bắt đầu trong giai đoạn chuyển đổi, đánh dấu bằng việc tăng cân, tăng chiều cao, tăng kích cỡ của tim, tăng dung tích phổi và sức mạnh cơ bắp. Xương phát triển nhanh hơn bắp thịt và sự phát triển không đồng đều của xương và bắp thịt đem lại sự thiếu kết hợp và sự vụng về của các em.

Sự phát triển của hệ thống tim mạch của các em không cân đối. Do đó xảy ra một số rối loạn tạm thời của hệ tuần hoàn: tăng huyết áp, tim đập nhanh, hay gây nhức đầu, chóng mặt, mệt mỏi khi làm việc, học tập.

Tuyến nội tiết bắt đầu hoạt động mạnh (đặc biệt là tuyến giáp trạng) thường dẫn đến sự rối loạn của hoạt động thần kinh. Do tác động của những kích thích gây cho các em tình trạng ức chế, hay ngược lại xảy ra tình trạng bị kích động mạnh. Vì vậy, những chấn động thần kinh mạnh, hoặc những biến cố, đều có thể tác động mạnh

mẽ đến lứa tuổi này, làm cho một số em bị uể oải, thờ ơ, lơ đãng, tản mạn, số khác có hành vi xấu, không đúng bản chất các em.

Các em thường lóng ngóng vụng về, không khéo léo khi làm việc, thiếu thận trọng, hay làm đổ vỡ. Điều đó gây cho các em biểu hiện tâm lý khó chịu.

Sự thay đổi về thể chất của lứa tuổi học sinh THCS làm cho các em có những đặc điểm nhân cách khác với các em lứa tuổi trước. Các em có nghị lực dồi dào, tính tích cực cao, có nhiều dự định lớn lao.

Tuy nhiên quá trình hình thành cái mới thường kéo dài thời gian và phụ thuộc vào điều kiện sống, hoạt động của các em. Do đó, sự phát triển tâm lý diễn ra không đồng đều về mọi mặt. Điều đó dẫn đến sự tồn tại song song: “vừa có tính trẻ con, vừa có tính người lớn”.

Yếu tố đầu tiên của sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi học sinh THCS là tính tích cực xã hội mạnh mẽ của bản thân các em nhằm lĩnh hội những giá trị, những chuẩn mực nhất định, nhằm xây dựng những quan hệ thỏa đáng với người lớn, bạn bè và cuối cùng nhằm vào bản thân, thiết kế và hoàn thiện nhân cách của mình. Bạn cùng tuổi trở thành các chuẩn mực và hình mẫu để bắt chước. Các em cũng dễ bị ảnh hưởng của người lớn và cố gắng bắt trước người lớn.

Ở lứa tuổi này các em được xã hội thừa nhận như một thành viên tích cực và giao cho một số công việc nhất định. Các em muốn làm những việc mọi người biết đến, làm việc cùng người lớn, muốn được mọi người thừa nhận mình là người lớn. Đó là một nhu cầu của các em. Vì thế các em rất tích cực tham gia các công tác ngoài xã hội. Các em thích làm những công việc có tính chất tập thể, những công việc liên quan đến nhiều người và được nhiều người cùng tham gia.

Sự bắt đầu hình thành và phát triển tự ý thức đã gây nhiều ấn tượng sâu sắc đến toàn bộ đời sống tâm lý của lứa tuổi này, đến hoạt động học tập và sự hình thành mối quan hệ qua lại với mọi người. Nhu cầu tự ý thức nảy sinh từ nhu cầu cuộc sống, từ hoạt động thực tiễn, từ yêu cầu mong muốn của tập thể, của người lớn quy định. Từ sự phát triển mối quan hệ với tập thể, với đời sống xã hội mà học sinh THCS nảy sinh nhu cầu đánh giá bản thân mình, tìm kiếm vị trí của mình trong tập thể.

1.3.2. Biểu hiện trở ngại tâm lý của học sinh THCS trong học tập

Trở ngại tâm lý của học sinh trong học tập được thể hiện ở ba mặt, đó là mặt nhận thức, thái độ và hành vi của chủ thể.

1.3.2.1. Trở ngại tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức

Trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh THCS đặc biệt là học sinh khối 6 biểu hiện ở mặt nhận thức xuất phát từ 2 hướng: nhận thức về bản thân và nhận thức về đối tượng học tập và hoàn cảnh học tập.

Đối tượng học tập của học sinh lớp 6 khá đa dạng, là một hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo bao gồm các phần như: các môn khoa học cơ bản (toán, vật lý, hóa học, sinh học, công nghệ, ngữ văn, lịch sử, địa lý, giáo dục công dân), các môn hỗ trợ (ngoại ngữ, thể dục, GDQP, âm nhạc, mỹ thuật, tin học...). Các môn này đều có những vị trí, vai trò và tầm quan trọng như nhau bởi sự đóng góp của nó trong quá trình đào tạo nên một công dân tương lai có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, không phải học sinh lớp 6 nào cũng nhận thức được tầm quan trọng, vị trí, vai trò, của từng bộ môn trong hoạt động học tập. Chính sự hiểu biết mơ hồ, không rõ ràng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của các bộ môn trong chương trình học là một trở ngại tâm lý có thể dẫn đến tình trạng học sinh xem thường các bộ môn phụ, học lệch, học đối phó, từ đó dẫn đến hiệu quả hoạt động học tập không cao.

Ngoài ra, sự thiếu hiểu biết về trường THCS, cũng như sự thiếu hiểu biết về nhiệm vụ học tập và yêu cầu học tập của học sinh THCS sẽ là những trở ngại tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức của học sinh THCS. Thực tế cho thấy, khi chủ thể hiểu biết đầy đủ, sâu sắc về đối tượng hoạt động của mình sẽ giúp họ chuẩn bị tâm thế cũng như các điều kiện để thực hiện hoạt động đó. Ngược lại, khi thiếu những hiểu biết cần thiết về đối tượng hoạt động thì chủ thể sẽ tiến hành hoạt động một cách đối phó, thiếu tích cực và do đó khó đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, học sinh THCS nói chung, học sinh lớp 6 nói riêng, về mặt chủ quan, có thể gặp một trở ngại tâm lý khác là nhận thức động cơ học tập chưa rõ ràng.

Động cơ học tập của học sinh THCS được hình thành từ phía bản thân, gia đình, xã hội, trường học. Những động cơ đó được cụ thể hóa ở mục đích học tập mà

học sinh THCS cần phải đạt tới. Động cơ học tập là sự phản ánh đối tượng học tập vào đầu óc của người học, thúc đẩy người đó thực hiện hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập, làm nảy sinh tính tích cực học tập. Vì vậy, việc xác định động cơ học tập rõ ràng là tiền đề giúp cho người học sinh hình thành nhu cầu học tập, làm nảy sinh tính tích cực học tập hướng vào việc hình thành, phát triển nhân cách của người học sinh tương lai.

Ngược lại, nếu người học sinh THCS không xác định được động cơ học tập của mình thì không thể nảy sinh nhu cầu học tập. Từ đó, dẫn đến sự thiếu tích cực trong hoạt động học tập, hiệu quả hoạt động học tập sẽ không cao.

Tóm lại, việc thiếu sự hiểu biết về đối tượng học tập, cụ thể là về nội dung, chương trình, hoạt động của trường THCS, cũng như nhận thức không rõ ràng động cơ học tập của bản thân là những trở ngại tâm lý biểu hiện ở mặt nhận thức trong hoạt động học tập của học sinh THCS.

1.3.2.2. Trở ngại tâm lý biểu hiện ở mặt thái độ

Trong quá trình học tập luôn có sự tham gia của các trạng thái tình cảm cũng như thái độ của chủ thể học tập với hoạt động học tập của mình. Đó là thái độ của chủ thể học tập với hoạt động học tập.

Thực tế cho thấy, học sinh THCS nói chung, học sinh lớp 6 nói riêng, phần lớn đều là học sinh vừa rời khỏi cấp tiểu học, bước đầu làm quen với môi trường học tập mới, học tập ở bậc THCS. Vì thế đối với hoạt động học tập ở trường THCS còn nhiều xa lạ đối với các em. Từ đó, ở các em có thể nảy sinh nhiều thái độ, tình cảm khác nhau đối với hoạt động học tập. Xét trên phương diện tích cực, ở các em có thể xuất hiện những thái độ, tình cảm, xúc cảm dương tính đối với hoạt động học tập ở một môi trường mới như: tính tò mò đối với học tập, tính ham học hỏi, niềm khao khát, lòng quyết tâm học tập, niềm vui, hứng thú học tập, tinh thần kiên trì vượt khó,... Ở trạng thái, thái độ, tình cảm này sẽ thúc đẩy học sinh học tập tích cực. Ngược lại, ở học sinh lớp 6 cũng có thể xuất hiện những thái độ, tình cảm âm tính đối với hoạt động học tập như coi thường việc học tập, thờ ơ, lo lắng, sợ hãi, căng thẳng, chán nản, khi gặp những vấn đề nảy sinh do một môi trường học tập mới.

Bên cạnh đó, học sinh lớp 6 trong môi trường học tập mới ở bậc THCS, do sự hạn chế của kinh nghiệm, của tuổi đời, nên khi tham gia vào các hoạt động, các em có sự đánh giá chưa phù hợp về đối tượng cũng như bản thân khi tham gia hoạt động đó. Trên cơ sở đó, khi tham gia hoạt động học tập, một số học sinh lớp 6 nếu đánh giá quá cao về mình, đặc biệt khi các bạn học sinh có những thành tích học tập cao trong những năm học tiểu học, bị “che phủ” bởi những thành tích sáng chói đó có thể dẫn đến sự sơ suất, chệnh mảng, chủ quan, xem thường chính hoạt động học tập hoặc ngược lại các em lại bị áp lực, căng thẳng khi ép buộc mình vào hoạt động học tập với mục đích phải được những thành tích như những ngày ở bậc tiểu học. Đối lập với sự đánh giá quá cao về bản thân, học sinh lớp 6 lại tự đánh giá thấp về mình từ đó dẫn đến sự mặc cảm tự ti, lo lắng, sợ mắc sai lầm, thiếu phấn đấu trong quá trình học tập làm ảnh hưởng đến tiến trình và kết quả học tập.

Tóm lại, trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh lớp 6 biểu hiện ở mặt thái độ chính là những thái độ, tình cảm, xúc cảm âm tính của chủ thể học tập với hoạt động học tập. Những trở ngại tâm lý này sẽ làm giảm đi tính tích cực, chủ động, tự giác trong hoạt động học tập của học sinh lớp 6 từ đó dẫn đến hiệu quả học tập không cao.

1.3.2.3. Trở ngại tâm lý biểu hiện ở hành vi

Trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh biểu hiện ở các hành vi sau:

- Gò bó, lung túng, ngượng nghịu, không tự nhiên, bộc phát...
- Ngại ngùng khi tiếp xúc với mọi người.
- Thụ động, không dám phát biểu/ trao đổi bài học.
- Phát biểu nhỏ, lí nhí khi có yêu cầu.
- Thô lỗ, nóng nảy với mọi người khi tiếp xúc.
- Xa lánh mọi người.

Để tránh được những biểu hiện trên để trở thành một học sinh có ích cho xã hội thì ngay từ khi học tập tại trường THCS, học sinh phải cố gắng, khắc phục những

biểu hiện tiêu cực như trên, bởi đó là những rào cản làm hạn chế sự phát triển toàn diện của con người.

Mặt khác, đối tượng học tập của học sinh THCS lại khá đa dạng gồm: hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và cách thức chiếm lĩnh chúng. Đứng trước sự mâu thuẫn giữa khối lượng tri thức cần tiếp thu lớn 4 trình độ nhưng thời gian đào tạo trong bậc THCS là giới hạn, người học sinh cần phải có những phương pháp, kỹ năng học tập khoa học cũng như khả năng sử dụng những kỹ năng học tập thành thục.

Hệ thống kỹ năng, kỹ xảo mà các trường THCS cần trang bị cho học sinh để có thể học tập bao gồm: hệ thống kỹ năng, kỹ xảo nền tảng. Đó là những kỹ năng, kỹ xảo làm cơ sở cho sự hình thành và phát triển hệ thống kỹ năng, kỹ xảo cho tương lai của học sinh cũng như làm cơ sở cho mục tiêu học tập suốt đời của một cá nhân. Vì lẽ đó, học sinh THCS nói chung, học sinh lớp 6 nói riêng cần quan tâm trang bị và rèn luyện hệ thống kỹ năng học tập nền tảng này.

Tóm lại, kỹ năng học tập nền tảng là một đòi hỏi quan trọng và cần thiết đối với học sinh THCS nói chung, học sinh lớp 6 nói riêng để giúp cho hoạt động học tập của học sinh đạt hiệu quả. Do đó, có thể nói, việc không biết hoặc biết không rõ cách thực hiện các kỹ năng học tập nền tảng là không cần thiết chính là những trở ngại tâm lý biểu hiện ở mặt hành vi trong hoạt động học tập cũng như giao tiếp của học sinh.

1.4. Quản lý giáo dục học sinh trung học cơ sở gặp trở ngại về tâm lý của người hiệu trưởng

1.4.1. Chức năng nhiệm vụ của hiệu trưởng THCS

Hiệu trưởng là người có trách nhiệm chủ yếu quyết định chất lượng giáo dục trong nhà trường. Trong nhà trường THCS Hiệu trưởng có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường.
- Thực hiện các Nghị quyết, Quyết nghị của Hội đồng nhà trường được quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ trường THCS, THPT.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học, tổ chức chỉ đạo các thành viên trong trường (có phối hợp với các lực lượng ở bên ngoài), phát huy vai trò làm chủ, ra sức thi đua “dạy tốt, học tốt”, tiến hành các hoạt động giáo dục cơ bản

theo chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên nhằm thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và nâng cao chất lượng đào tạo đây là nhiệm vụ trọng tâm của người Hiệu trưởng vì nó quyết định trực tiếp việc đào tạo học sinh theo mục tiêu giáo dục.

- Chỉ đạo xây dựng các điều kiện giáo dục (đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất thiết bị trường học...) để tiến hành tốt các nhiệm vụ giáo dục.

- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước; quản lý hồ sơ tuyển dụng giáo viên, nhân viên.

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học vào học bạ học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường.

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về toàn bộ các nhiệm vụ được quy định trong khoản 1 Điều lệ trường THCS, THPT...

- Hiệu trưởng là thủ trưởng cơ quan giáo dục của nhà nước. Trường THCS là cơ quan giáo dục của nhà nước. Hiệu trưởng quản lý nhà trường, quản lý giáo dục theo nguyên tắc thủ trưởng chịu trách nhiệm đối với cấp trên và cấp dưới, có quyền xử lý và ra quyết định bằng một quyền hạn nhất định đối với các hoạt động trong nhà trường.

- Hiệu trưởng trước hết phải là người có phẩm chất, đạo đức chính trị tốt, biết vận động quần chúng tự giác thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời phải có chuyên môn vững vàng biết phát huy tinh thần dân chủ sáng tạo, đoàn kết đưa nhà trường đạt đến mục tiêu dạy học và giáo dục.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý toàn diện hoạt động giáo dục của nhà trường, trong đó có giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

1.4.2. Nội dung và biện pháp quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người hiệu trưởng

1.4.2.1. Quản lý việc lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người hiệu trưởng

Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập. Bản kế hoạch cần thể hiện mục tiêu, nội dung công việc cần làm, cách thức tiến hành và thời gian thực hiện việc giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập. Bên cạnh đó, bản kế hoạch còn phải thể hiện các điều kiện đảm bảo tính khả thi của bản kế hoạch. Giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập được thể hiện thông qua các hoạt động trong và ngoài nhà trường:

- Giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập thông qua hoạt động ngoại khóa, lao động xã hội.

- Giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập thông qua sinh hoạt tổ chức Đoàn đội, thông qua sinh hoạt tập thể.

- Chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

- Xây dựng môi trường giáo dục sư phạm tốt.

Để xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập Hiệu trưởng cần hướng dẫn GVCN làm các việc sau: Chỉ đạo tổ chức thống nhất tiêu chí đánh giá phân loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

Đây là công việc chung của tập thể sư phạm nhà trường, nhất là tổ chức. Tiêu chí đánh giá cho từng biểu hiện của học sinh gặp trở ngại về tâm lý có thể chỉ mang tính tương đối xong rất cần thiết. Nó cần được vận dụng linh hoạt cụ thể trong từng tình huống trên lớp học, hoặc trong các hoạt động NGLL của học sinh.

1.4.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập

Bản chất của vấn đề tổ chức thực hiện kế hoạch chính là xác định rõ vai trò, vị trí của các thành viên, các bộ phận và mối quan hệ giữa các cá nhân, các bộ phận để tạo nên sự thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã xác định. Để thực hiện tốt việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập, người hiệu trưởng cần xác định cấu trúc tổ chức phù hợp, xác định cơ chế hoạt động và các mối quan hệ của cá nhân tổ chức. Với vai trò chủ đạo của mình, hiệu trưởng nhà trường đóng vai trò chủ trì sự phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập. GVCN, giáo viên bộ môn, tổ chức Đoàn, Đội, nhân viên nhà trường, cha mẹ học sinh phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ này.

Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập phải thực hiện được mục tiêu và kế hoạch giáo dục trong trường THCS theo quyết định số 305/QĐ ngày 26/3/1986 và 329/QĐ ngày 31/3/1990 của Bộ GD & ĐT, các mục tiêu cấp học, mục tiêu hoạt động giáo dục đã được trình bày theo 3 tiêu chí: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đó là mục tiêu cụ thể để tạo nên nhân cách của một người học sinh phổ thông. Cụ thể:

- Bảo đảm kế hoạch phát triển giáo dục: Tuyển chọn học sinh lớp đầu cấp theo đúng số lượng và chất lượng theo Bộ GDĐT qui định, duy trì học sinh đang học hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học.

- Tiến hành các hoạt động giáo dục theo đúng chương trình và bảo đảm yêu cầu đối với các môn học và hoạt động giáo dục.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên có đủ phẩm chất năng lực, đồng bộ về cơ cấu

- Hoàn thiện về cơ sở vật chất phục vụ thiết thực cho giảng dạy và giáo dục

- Xây dựng và hoàn thiện môi trường giáo dục, thống nhất giáo dục nhà trường với giáo dục địa phương cộng đồng...

- Cải tiến công tác quản lý, lãnh đạo theo hướng hoạt động có hiệu quả.

Để thực hiện mục tiêu kế hoạch người Hiệu trưởng cần phải:

- Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên.

- Hiệu trưởng trao đổi trực tiếp với GVCN, GVBM.

- Hiệu trưởng trao đổi trực tiếp với tổ chức Đoàn, Đội, nhân viên nhà trường.
- Hiệu trưởng trao đổi trực tiếp với đại diện cha mẹ học sinh.
- Hiệu trưởng trao đổi trực tiếp với học sinh.

1.4.2.3. Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập

Sau khi xây dựng kế hoạch và xác định nhiệm vụ của các lực lượng tham gia giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập, hiệu trưởng chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch thông qua các nội dung và biện pháp cụ thể như sau:

a. Chỉ đạo GVCN thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý thông qua giờ sinh hoạt lớp

Giờ sinh hoạt lớp phản ánh chất lượng của kế hoạch chủ nhiệm và năng lực sư phạm của GVCN trong tình huống cụ thể.

Quản lý giờ sinh hoạt lớp là góp phần quản lý việc thực hiện nghiêm túc kế hoạch GD của GVCN.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá cho từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.
- Thực hiện chế độ báo cáo.
- Thường xuyên theo dõi tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở các lớp và dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm đột xuất, định kỳ ở các lớp.
- Yêu cầu tiết sinh hoạt chủ nhiệm phải thể hiện phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

b. Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm

Hiệu trưởng chỉ đạo và quản lý công tác sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm với những biện pháp như sau:

- Quy định chế độ sinh hoạt báo cáo.
- Hướng dẫn nội dung sinh hoạt, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.
- Tổ chức báo cáo chuyên đề khoa học để xác lập và thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

- Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề.
- Bố trí thời khóa biểu hợp lý để các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt không bị ảnh hưởng
- Bố trí phòng họp riêng cho tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm
- Bồi dưỡng năng lực điều khiển các cuộc họp và chất lượng các cuộc họp của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

c. Chỉ đạo phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội

- Tổ chức sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và kỉ niệm các ngày lễ lớn.
- coi trọng và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nề nếp, lối sống văn minh lành mạnh trong thanh thiếu niên.
- Tổ chức giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý thông qua các hoạt động văn nghệ, TDTT, các hội thi...
- Cùng với ban lao động nhà trường tổ chức các buổi lao động tập thể.
- Xây dựng các câu lạc bộ trong nhà trường như: Anh văn, Toán, TDTT.
- Phát huy vai trò của Đoàn, Đội trong việc tổ chức các hoạt động GDNGLL cho học sinh

d. Tổ chức, chỉ đạo phối hợp giữa GVCN với ban đại diện cha mẹ học sinh

- Chỉ đạo việc tổ chức hội nghị CMHS vào đầu năm học, cuối kỳ, cuối năm.
- Chỉ đạo việc cử đại diện PHHS tham gia hội đồng giáo dục nhà trường và một số tổ chức của trường.
- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý cho các bậc cha mẹ có học sinh gặp trở ngại về tâm lý; giúp nhau có biện pháp, hình thức tổ chức cho con em học tập và rèn luyện ở gia đình đạt hiệu quả cao.
- Tham gia và vận động cha mẹ của học sinh gặp trở ngại về tâm lý cùng tham gia vào hội khuyến học của nhà trường.

1.4.2.4. Quản lý công tác kiểm tra đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập

Hiệu trưởng cần nắm được tình hình thực hiện công việc kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh trở ngại về tâm lý trong học tập với các nội dung sau:

- Có lịch kiểm tra hàng tháng và học kỳ nhằm theo dõi sự tiến bộ của HS gặp trở ngại về tâm lý, kịp thời động viên khuyến khích các em.
- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ, quy định của nhà trường (toàn diện, công bằng, khách quan và công khai) tránh tình trạng

GVCN, GVBM định kiến với học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập, nảy sinh tiêu cực trong đánh giá HS gặp trở ngại về tâm lý.

- Xây dựng chuẩn đánh giá đáp ứng với từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong đó có học tập. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh gặp trở ngại về tâm lý rèn luyện tốt hơn.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập

Khi tiến hành một hoạt động, để quá trình hoạt động diễn ra suôn sẻ, hạn chế tối đa những trở ngại phát sinh khi thực hiện thì cần phải đảm bảo những yếu tố cần thiết cho hoạt động. Ông cha ta đúc kết qua một câu nói thật cô đọng nhưng nêu lên đầy đủ yếu tố để một hoạt động của con người thành công đó là “Thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Hay nói cách khác, hoạt động muốn không gặp trở ngại thì cần phải tính đến các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động học tập, từ đó phát huy ảnh hưởng của những yếu tố tích cực và hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố tiêu cực đó.

1.5.1. Yếu tố chủ quan

Xuất phát từ chính chủ thể học tập là học sinh lớp 6.

Bước vào trường THCS, học sinh lớp 6, những học sinh vừa rời khỏi bậc tiểu học, bước vào một môi trường học tập với rất nhiều sự mới mẻ, khác biệt. Đứng trước bước chuyển này, việc họ sẽ phải gặp nhiều sự thay đổi về nhiều mặt về môi trường học tập. Để đảm bảo cho hoạt động học tập ở bậc THCS có thể diễn ra suôn sẻ và hạn chế những trở ngại nảy sinh trong quá trình học tập, học sinh phải có những yếu tố nhất định về năng lực, tính cách, kinh nghiệm thực tế, kinh nghiệm học tập, tâm thế học tập, khả năng thích ứng, nội lực cá nhân đủ để hòa nhập được với một “môi trường học tập” mới. Ngược lại, nếu học sinh lớp 6 không đảm bảo những yếu tố như đã nêu trên thì chắc chắn trong hoạt động học tập của mình các em sẽ gặp phải nhiều trở ngại, trong đó có trở ngại về tâm lý.

1.5.2. Yếu tố khách quan

Yếu tố khách quan chính là điều kiện bên ngoài, yếu tố khách quan cũng sẽ là nguyên nhân khiến cho hoạt động học tập này sinh trở ngại nói chung, trở ngại tâm lý nói riêng.

Các yếu tố khách quan gây ra trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập có thể là: do điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy học chưa đầy đủ, khối lượng và mức độ nội dung học tập quá lớn và khó, chương trình học bố trí thiếu sự hợp lý, phương pháp giảng dạy của giáo viên chưa phù hợp, tài liệu học tập còn thiếu, các điều kiện hỗ trợ học tập khác chưa tốt...

Như vậy, xét về yếu tố gây trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh lớp 6, chúng ta cần tìm hiểu không chỉ những điều kiện không thuận lợi xuất phát từ môi trường khách quan bên ngoài (yếu tố khách quan) mà còn cần phải xác định những yếu tố xuất phát từ chính bản thân chủ thể, học sinh lớp 6 (yếu tố chủ quan). Có như thế, việc nhận thức về những yếu tố gây ra trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của học sinh lớp 6 mới đầy đủ và chính xác nhằm giúp đề ra những giải pháp phù hợp để giảm bớt những trở ngại tâm lý, giúp học sinh lớp 6 học tập hiệu quả hơn.

Kết luận chương 1

Quản lý GD học sinh gặp trở ngại về tâm lý là một bộ phận của quản lý trường học, với các chức năng như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra. Các chức năng này phải được thể hiện trong từng nội dung, biện pháp quản lý hoạt động của nhà trường, trong đó có HĐGD học sinh gặp trở ngại tâm lý. Quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập chính là quản lý hoạt động của GVCN, quản lý sự phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục học sinh. Đồng thời còn là quản lý công tác kiểm tra đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

2.1. Về Giáo dục - đào tạo huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Trong những năm gần đây, tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Yên Sơn nói riêng luôn tích cực quán triệt thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, của tỉnh đặc biệt là Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XIV) để nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo của tỉnh. Đặc biệt, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang đã và đang triển khai thực hiện có hiệu quả một số nội dung trong Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 19/9/2008 của UBND tỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 như:

2.1.1. Những kết quả đạt được

Toàn ngành đã triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, của tỉnh đặc biệt là Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XIV) về phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010; triển khai thực hiện có hiệu quả một số nội dung trong Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 19/9/2008 của UBND tỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành từ Sở đến các cơ sở giáo dục bước đầu có những đổi mới, lựa chọn những vấn đề then chốt, cấp bách ngành cần tập trung tham mưu, tổ chức thực hiện quyết liệt. Lãnh đạo Sở đã trực tiếp làm việc với các cơ sở giáo dục, bám sát thực tiễn tìm cách chỉ đạo phù hợp, giải quyết kịp thời, dứt điểm những vướng mắc phát sinh. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học được tăng cường. Đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước được UBND tỉnh giao và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo thời gian năm học.

Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên, số học sinh yếu, kém, chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng giảm, số lượng học sinh bỏ học giảm. Kỳ thi tốt nghiệp THPT được tổ chức nghiêm túc, khách quan, an toàn đúng quy chế theo Quy chế thi mới của Bộ, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp tăng so với năm học trước, tỉnh được xếp thứ 37/63 tỉnh, thành phố. Kết quả hoàn thành chương trình tiểu học và tốt nghiệp THCS tăng so với năm học trước.

Giáo dục chuyên nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, quy mô, số lượng ngành nghề đào tạo tăng.

Công tác tổ chức cán bộ, việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên được đặc biệt quan tâm, tổ chức tuyển mới giáo viên mầm non, tiểu học, THCS, THPT bằng hình thức thi tuyển; đánh giá chất lượng giáo viên tiểu học, mầm non theo chuẩn nghề nghiệp của Bộ GD&ĐT; cơ cấu giáo viên đã được cải thiện, ý thức trách nhiệm, năng lực chuyên môn, hiệu quả làm việc của giáo viên được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học, nhà công vụ cho giáo viên được đầu tư xây dựng theo kế hoạch thực hiện Chương trình kiên cố hóa và các Dự án từng bước đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, quản lý của giáo viên, học sinh và các nhà trường.

2.1.2. Một số tồn tại

Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của các cấp quản lý còn có những điểm yếu kém, bất cập. Năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục các cấp còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục.

Đội ngũ giáo viên chưa hợp lý về cơ cấu, vừa thừa, vừa thiếu. Chất lượng, trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên không đồng đều, một bộ phận nhỏ giáo viên qua đánh giá chưa đáp ứng được theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Chất lượng giáo dục còn thấp và chưa ổn định.

Chỉ tiêu xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch số 30/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa đạt.

Tiến độ thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp và xây nhà công vụ cho giáo viên chậm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được tăng cường nhưng so với yêu cầu vẫn còn thiếu. Việc thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục còn khó khăn.

2.2. Tình hình học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS Yên Sơn, Tuyên Quang hiện nay

2.2.1. Kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh THCS thuộc địa bàn nghiên cứu

Bảng 2.1. Kết quả hai mặt giáo dục khối THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm học 2012 - 2015 ở các trường đã nghiên cứu (Trường THCS Chân Sơn)

Năm học	Lớp	Học lực											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Giỏi		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	62	4	6.5	9	14.5	41	66.1	8	12.9	0	0	
2013 - 2014	6	45	5	11.1	14	31.1	19	42.2	7	15.6	0	0	
2014 -2015 (Kỳ I)	6	60	0	0	20	33.3	33	55.0	7	11.7	0	0	
Cộng	0	167	9	5.4	43	25.7	93	55.7	22	13.2	0	0.0	

Năm học	Lớp	Hạnh kiểm											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Tốt		Khá		T.bình		Yếu				
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	62	18	29.0	36	58.1	8	12.9					
2013 - 2014	6	45	22	48.9	16	35.6	7	15.6					
2014 -2015 (Kì I)	6	60	19	31.7	34	56.7	7	11.7					

Cộng	0	167	59	<i>35.3</i>	86	<i>51.5</i>	22	<i>13.2</i>				
-------------	----------	------------	-----------	-------------	-----------	-------------	-----------	-------------	--	--	--	--

(Trường THCS Thăng Quân)

Năm học	Lớp	Học lực											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Giỏi		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	94	8	8.5	34	36.2	46	48.9	6	6.4	0	0	
2013 - 2014	6	109	9	8.3	43	39.4	56	51.4	1	0.9	0	0	
2014 -2015 (Kỳ I)	6	96	9	9.4	33	34.4	44	45.8	10	10.4	0	0	
Cộng	0	299	26	8.7	110	36.8	146	48.8	17	5.7	0	0.0	

Năm học	Lớp	Hạnh kiểm											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Tốt		Khá		T.bình		Yếu				
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	94	37	39.4	48	51.1	9	9.6					
2013 - 2014	6	109	51	46.8	51	46.8	7	6.4					
2014 -2015 (Kỳ I)	6	96	35	36.5	49	51.0	12	12.5					
Cộng	0	299	123	41.1	148	49.5	28	9.4					

(Trường THCS Trưng Mân)

Năm học	Lớp	Học lực											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Giỏi		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	76	13	17.1	24	31.6	30	39.5	9	11.8	0	0	
2013 - 2014	6	77	13	16.9	26	33.8	29	37.7	9	11.7	0	0	
2014 -2015 (Kỳ I)	6	115	10	8.7	46	40.0	49	42.6	10	8.7	0	0	
Cộng	0	268	36	13.4	96	35.8	108	40.4	28	10.4	0	0.0	

Năm học	Lớp	Hạnh kiểm											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Tốt		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	76	39	51.3	28	36.8	9	11.8					
2013 - 2014	6	77	40	51.9	27	35.1	9	11.7	1	1.0			
2014 -2015 (Kì I)	6	115	53	46.1	53	46.1	9	7.8					
Cộng	0	268	132	49.3	108	40.3	27	10.1	1	0.3			

(Trường THCS Kim Phú)

Năm học	Lớp	Học lực											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Giỏi		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	55	3	5.5	8	14.5	40	72.7	4	7.3	0	0	
2013 - 2014	6	60	4	6.7	20	33.3	30	50.0	6	10.0	0	0	
2014 -2015 (Kỳ I)	6	72	6	8.3	22	30.6	35	48.6	9	12.5	0	0	
Cộng	0	187	13	6.95	50	26.7	100	53.5	24	12.8	0	0.0	

Năm học	Lớp	Hạnh kiểm											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Tốt		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	55	20	36.3	30	54.5	5	9.0					
2013 - 2014	6	60	20	33.3	32	53.3	8	13.3					
2014 -2015 (Kì I)	6	72	30	41.7	35	48.6	7	9.7					
Cộng	0	187	70	37.4	97	51.9	22	11.7					

(Trường THCS Hoàng Khai)

Năm học	Lớp	Học lực											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Giỏi		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	90	6	6.7	24	26.7	50	55.6	10	11.1	0	0	
2013 - 2014	6	96	7	7.3	28	29.2	52	54.2	9	9.4	0	0	
2014 -2015 (Kỳ I)	6	85	4	4.7	23	27.0	48	56.5	8	9.4	0	0	
Cộng	0	271	17	6.3	75	27.7	150	55.3	27	9.9	0	0.0	

Năm học	Lớp	Hạng kiểm											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Tốt		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	90	20	22.2	60	66.7	10	11.1					
2013 - 2014	6	96	22	22.9	66	68.8	8	8.3					
2014 -2015 (Kì I)	6	85	25	29.4	50	58.8	10	11.7					
Cộng	0	271	67	24.7	176	64.9	28	10.3					

(Trường THCS Phú Lâm)

Năm học	Lớp	Học lực											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Giỏi		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	60	5	8.3	8	13.3	40	66.7	7	11.7	0	0	
2013 - 2014	6	75	5	6.7	25	33.3	35	46.7	10	13.3	0	0	
2014 -2015 (Kỳ I)	6	65	4	6.1	15	23.1	40	61.5	6	9.2	0	0	
Cộng	0	200	14	7.0	48	24.0	115	57.5	22	11.0	0	0.0	

Năm học	Lớp	Hạng kiểm											HS không tham gia xếp loại
		Tổng số	Tốt		Khá		T.bình		Yếu		Kém		
			HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	HS	%	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2012 -2013	6	60	20	33.3	32	53.3	8	13.3					
2013 - 2014	6	75	25	33.3	38	50.7	12	16.0					
2014 -2015 (Kì I)	6	65	24	36.9	30	46.2	11	16.9					
Cộng	0	200	69	34.5	100	50.0	31	15.5					

Nhìn vào bảng 2.1 về kết quả hai mặt giáo dục của 6 trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang năm 2012 - 2015. Tổng số học sinh của 6 trường là: 1392HS, trong đó số học sinh Giỏi là: 115HS = 8.3%; số học sinh khá là: 422HS = 30.3%; số học sinh trung bình là: 712HS = 51.1%; số học sinh yếu là: 140HS = 10.1%. Như vậy, có tới 852 học sinh (61,2%) đạt kết quả học tập trung bình và yếu. Số học sinh đạt kết quả học tập trung bình và yếu đang học ở các trường thuộc địa bàn nghiên cứu như sau:

1. Trường THCS Chân Sơn, xã Chân Sơn: có 115HS

2. Trường THCS Trung Môn, xã Trung Môn: có 136HS
3. Trường THCS Thắng Quân, xã Thắng Quân: có 163HS
4. Trường THCS Kim Phú, xã Kim Phú: có 124HS
5. Trường THCS Hoàng Khai, xã Hoàng Khai: có 177HS
6. Trường THCS Phú Lâm, xã Phú Lâm: có 137HS

Trao đổi trực tiếp với GVCN và GV bộ môn về nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập chưa tốt của học sinh được biết: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, trong đó có nguyên nhân từ phía chủ quan của học sinh. Đa số giáo viên đều thống nhất khi cho rằng, hầu hết số học sinh đạt kết quả học tập chưa cao có nguyên nhân do gặp trở ngại về tâm lý.

2.2.2. Biểu hiện trở ngại về tâm lý trong học tập của học sinh THCS 6 trường thuộc địa bàn nghiên cứu

Để khảo sát thực trạng học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi sử dụng chủ yếu bằng phiếu hỏi. Ngoài phương pháp này chúng tôi còn sử dụng thêm một số phương pháp khác như: quan sát, chuyên gia, phỏng vấn, tổng kết kinh nghiệm, sản phẩm hoạt động... Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp thống kê toán học như tính tần suất và tính điểm trung bình (Mean) để nghiên cứu thực trạng và tìm ra các thông số cần thiết của vấn đề nghiên cứu.

Trở ngại về tâm lý trong học tập của học sinh THCS được biểu hiện qua nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh. Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi tập trung nghiên cứu việc quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập biểu hiện qua hành vi của các em. Đưa ra 1 hệ thống biểu hiện hành vi của học sinh để trung cầu ý kiến của các nhà quản lý và giáo viên thuộc địa bàn nghiên cứu, dưới đây là những biểu hiện hành vi cản trở tới kết quả học tập khá phổ biến ở học sinh THCS Yên Sơn.

1. Gò bó, lung túng, ngượng nghịu, không tự nhiên, bộc phát...(1)
2. Ngại ngùng khi tiếp xúc với mọi người.(2)
3. Thụ động, không dám phát biểu/ trao đổi bài học.(3)
4. Phát biểu nhỏ, lí nhí khi có yêu cầu.(4)
5. Thô lỗ, nóng nảy với mọi người khi tiếp xúc.(5)

6. Xa lánh thầy cô, bạn bè.(6)

Mỗi biểu hiện hành vi là trở ngại tâm lý trong học tập được bộc lộ ở học sinh với các mức độ nhiều, ít khác nhau. Có những học sinh bộc lộ ra 3,4 thậm chí 5,6 biểu hiện hành vi đã nêu, tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi yêu cầu các em tự đánh giá biểu hiện rõ nét nhất trở ngại tâm lý của bản thân; đồng thời khảo sát qua giáo viên chủ nhiệm, (cũng là giáo viên dạy bộ môn) để lấy ý kiến đánh giá của họ về trở ngại lớn nhất trong học tập biểu hiện ở hành vi của từng học sinh thuộc đối tượng tham gia khảo sát. Kết quả thể hiện ở bảng 2.2:

Bảng 2.2. Biểu hiện hành vi gây trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

STT	Biểu hiện hành vi	1		2		3		4		5		6		Tổng số theo trường	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	THCS Chân sơn	17	14.8	18	15.6	19	16.5	20	17.4	15	13	26	22.6	115	13.5
2	THCS Trung Môn	26	19.1	21	15.4	22	16.1	23	16.9	17	12.5	27	19.9	136	16
3	THCS Thắng Quân	30	18.4	28	17.2	27	16.6	29	17.8	19	11.7	30	18.4	163	19.1
4	THCS Kim Phú	22	17.7	21	16.9	20	16.1	21	16.9	19	15.3	21	16.1	124	14.6
5	THCS Hoàng Khai	30	16.9	30	16.9	28	15.8	30	16.9	29	16.4	30	16.9	177	20.8
6	THCS Phú Lâm	25	18.2	23	16.8	22	16	23	16.7	21	15.3	23	16.8	137	16.1
	Tổng số (theo biểu hiện hành vi)	150	17.6	141	16.5	138	16.2	146	17.1	120	16.1	157	18.4	852	100

	vi)														
--	-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nhìn vào bảng 2.2 chúng ta thấy có 852 học sinh các trường có những biểu hiện khác nhau về trở ngại tâm lý trong học tập, trong đó biểu hiện gò bó, lúng túng, ngượng ngịu, không tự nhiên, bộc phát có: 150HS chiếm tỉ lệ 17.6%; biểu hiện ngại ngùng khi tiếp xúc với mọi người có: 141HS chiếm tỉ lệ 16.5%; biểu hiện thụ động, không dám phát biểu/ trao đổi bài học có: 138HS chiếm tỉ lệ 16.2%; biểu hiện phát biểu lí nhí khi có yêu cầu có: 146HS chiếm tỉ lệ 17.1%; biểu hiện thô lỗ, nóng nảy với mọi người khi tiếp xúc có: 120HS chiếm tỉ lệ 16.1% ít hơn so với các biểu hiện khác; biểu hiện xa lánh thầy cô, bạn bè có: 157HS chiếm tỉ lệ 18.4% , chiếm tỉ lệ nhiều hơn so với các biểu hiện khác. Nhìn vào các biểu hiện cho thấy biểu hiện xa lánh thầy cô, bạn bè hiện nay ở các trường trên địa bàn huyện Yên Sơn có biểu hiện nhiều và rõ nét. Vì vậy, cần có những biện pháp cụ thể để giáo dục nhằm hạn chế những biểu hiện đó.

2.3. Quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của học sinh THCS Yên Sơn hiện nay

Để đánh giá được thực trạng quản lý giáo dục HS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập tại các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi bắt đầu từ việc tìm hiểu nhận thức của khách thể nghiên cứu về vấn đề giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý và quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập. Sử dụng phiếu hỏi là chủ yếu, bên cạnh đó chúng tôi còn sử dụng phương pháp quan sát, phỏng vấn khách thể nghiên cứu về các nội dung có liên quan đến quản lý HĐGD HS gặp trở ngại về tâm lý.

- Phiếu hỏi được khảo sát trên 2 nhóm đối tượng là: BGH, GVCN. Cụ thể: tổng số người tham gia khảo sát là 36 người, trong đó 12 người là BGH của 6 trường THCS, và 24 GVCN, đồng thời là GVBM của 6 trường thuộc địa bàn nghiên cứu. Tất cả các phiếu phát ra đều được thu hồi và đều trả lời tương đối đầy đủ các nội dung được hỏi.

Tìm hiểu nhận thức của CBQL và GVCN về quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang cho thấy. Một số CBQL, GVCN thường có những định kiến, thiếu thiện cảm; sử dụng các biện pháp hành chính thái quá; sự lạm dụng quyền lực của nhà quản lý; việc đánh giá kết quả: khen thưởng, kỷ luật thiếu khách quan và không công bằng, phối hợp không

ăn khớp với các lực lượng giáo dục khác. Đều có ảnh hưởng rất lớn đến triển khai, tổ chức quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Phiếu trưng cầu ý kiến về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập tại các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang được sắp xếp thành 7 nội dung và biện pháp quản lý.

Ở các nội dung biện pháp quản lý, chúng tôi thực hiện cách tính % và điểm trung bình.

2.3.1. Nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập

Qua tập hợp ý kiến của khách thể khảo sát về tầm quan trọng của quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập kết quả thể hiện như sau:

Bảng 2.3. Ý kiến của CBQL và GV trường THCS huyện Yên Sơn về tầm quan trọng của việc quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập
(n = 36)

STT	Nội dung quản lý	Mức độ quan trọng								Điểm TB
		RQT		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập	15	41.7	3	8.3	18	50	0	2.8	1.92
2	Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập	17	47.2	8	22.2	8	22.2	3	8.3	2.08
3	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập	14	38.9	4	11.1	17	47.2	1	2.8	1.86
4	Kiểm tra việc thực hiện giáo									

đục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập	16	44.4	2	5.6	17	47.2	1	2.8	1.92
---	----	------	---	-----	----	------	---	-----	------

Nhìn vào bảng 2.3 chúng ta thấy có 41.7% CBQL và GV các trường cho rằng việc lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập là rất quan trọng; có 8.3% CBQL và GV các trường cho rằng việc lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập là quan trọng; có 50% CBQL và GV các trường cho rằng việc lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ít quan trọng. Chứng tỏ CBQL và GV các trường còn chưa chú trọng và quan tâm đến việc lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập. Họ quan niệm rằng, cứ để công việc giáo dục và dạy học của nhà trường diễn ra bình thường. Giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập không cần coi là công tác cá biệt.

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập thể hiện ở bảng 2.3 cho thấy có 47.2% CBQL và GV các trường cho rằng tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập là rất quan trọng; có 22.2% CBQL và GV các trường cho rằng tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập là quan trọng; có 30,5% số người được hỏi cho rằng ít quan trọng và không quan trọng. Điều đó chứng tỏ đa số CBQL và GV các trường đã quan tâm đến việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Nhìn vào bảng 2.3 chúng ta thấy có 38.9% CBQL và GV các trường cho rằng chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập là rất quan trọng; có 11.1% CBQL và GV các trường cho rằng chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập là quan trọng; có 47.2% CBQL và GV các trường cho rằng ít quan trọng; có 2.8% CBQL và GV các trường cho rằng không quan trọng. Chứng tỏ CBQL và GV các trường còn chưa chú trọng và quan tâm đến việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Cũng trong bảng trên, cho thấy có 44.4% CBQL và GV các trường cho rằng kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập là rất quan trọng; 5.6% số người được hỏi cho là quan trọng; có 47.2% CBQL và GV các trường cho rằng ít quan trọng; 2.8% CBQL và GV các trường cho rằng không quan trọng. Chứng tỏ CBQL và GV các trường còn chưa chú trọng và quan tâm đến kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Trong các nội dung quản lý đưa ra khảo sát, tầm quan trọng của từng nội dung được khách thể khảo sát đánh giá khác nhau. Nhìn vào tần suất ý kiến đánh giá về từng nội dung trên cho thấy, việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập được coi là quan trọng nhất (69,4% cho rằng đây là việc quan trọng và rất quan trọng), điểm trung bình là 2,08. Trong khi đó, việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch có tới 50% số người được hỏi cho rằng ít quan trọng và không quan trọng (điểm trung bình là 1,86). Thực ra, việc chỉ đạo có ý nghĩa lớn trong việc thống nhất quan điểm và hành động cho mỗi giáo viên và học sinh nhà trường, coi đây như là công tác cá biệt cần có kế hoạch và chỉ đạo thực hiện mới có thể đạt kết quả mong muốn. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức cho CBQL và GVCN ở các trường thuộc địa bàn nghiên cứu về tầm quan trọng của công tác này. Đặc biệt công tác lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch cần được nhận thức một cách đầy đủ hơn.

2.3.2. Thực trạng nội dung và biện pháp quản lý giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập

Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý HDGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang cho thấy Hiệu trưởng các trường nghiên cứu đã thực hiện các chức năng của mình như: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch nhưng trong việc thực hiện của các hiệu trưởng còn chưa thống nhất, đứt khoát, đồng bộ cho nên hiệu quả của việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập chưa cao. Cho nên đây là vấn đề cần được quan tâm và đi nghiên cứu.

Sau đây là thực trạng từng nội dung và biện pháp quản lý HDGD Học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

2.3.2.1. Lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người Hiệu trưởng các trường THCS Yên Sơn hiện nay

Qua khảo sát việc lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người Hiệu trưởng ở địa bàn nghiên cứu, kết quả thể hiện ở bảng 2.4 sau:

Bảng 2.4. Lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập của người Hiệu trưởng các trường THCS Yên Sơn (n = 36)

STT	Lập kế hoạch giáo dục học sinh	Mức độ thực hiện									Kết quả đạt được								
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua hoạt động lên lớp.	20	55.6	7	19.4	8	22.2	1	2.8	2.28	14	38.9	4	11.1	15	41.7	3	8.3	1.81
2	Lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội.	13	36.1	5	13.9	14	38.9	4	11.1	1.75	16	44.4	2	5.6	17	47.2	1	2.8	1.92
3	Lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua sinh hoạt Đoàn, Đội	12	33.3	6	19.4	17	47.2	1	2.8	1.81	10	27.8	7	19.4	11	30.6	8	22.2	1.53
4	Phối hợp với gia đình và xã hội để giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.	12	33.3	6	19.4	17	16.7	1	2.8	1.81	12	55.6	6	13.9	17	22.2	1	8.3	1.81
5	Xây dựng môi trường giáo dục sư phạm tốt.	27	75	1	2.8	8	22.2	0	0	2.53	25	69.4	2	5.6	9	25	0	0	2.4

Quản lý việc lập kế hoạch 1: Lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua hoạt động lên lớp. Nhìn vào bảng 2.4 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV đạt mức độ Khá: 2.28 thông qua mức độ thực hiện công việc; Điểm trung bình của CBQL và GV ở mức độ trung bình: 1.81 dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đều thực hiện lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập qua hoạt động lên lớp nhưng kết quả thực hiện không cao.

Quản lý việc lập kế hoạch 2: Lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội. Nhìn vào bảng 2.4 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV ở mức độ trung bình: 1.75 thông qua mức độ thực hiện công việc; Điểm trung bình của CBQL và GV ở mức độ trung bình: 1.92 dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thực hiện lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội chưa tốt nên kết quả đạt được cũng ở mức độ thấp.

Quản lý việc lập kế hoạch 3: Lập kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua sinh hoạt Đoàn, Đội, thông qua sinh hoạt tập thể. Nhìn vào bảng 2.4 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV thông qua mức độ thực hiện công việc là ở mức độ trung bình: 1.81; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc là ở mức độ trung bình: 1.53. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đều thực hiện lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua hoạt động Đoàn, Đội, thông qua sinh hoạt tập thể nhưng quá trình thực hiện của các trường không thống nhất và đồng bộ nên thực hiện không đều tay dẫn đến kết quả đạt được cũng không cao.

Quản lý việc lập kế hoạch 4: Chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập. Nhìn vào bảng 2.4 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV thông qua mức độ thực hiện công việc là ở mức độ trung bình: 1.81; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc là ở mức độ trung bình: 1.81. Chứng tỏ CBQL và GV các trường có thực hiện phối hợp với gia đình và xã hội để giáo dục học sinh gặp trở

ngại tâm lý trong học tập nhưng quá trình thực hiện không đều tay và triệt để dẫn đến kết quả thực hiện công việc không cao.

Quản lý việc lập kế hoạch 5: Xây dựng môi trường giáo dục sư phạm tốt. Nhìn vào bảng 2.4 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV thông qua mức độ thực hiện công việc là ở mức độ khá: 2.53; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.4. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thực hiện xây dựng môi trường giáo dục sư phạm tốt nên kết quả đạt được khi thực hiện công việc là khá cao giúp có môi trường cho giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

2.3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập

Qua khảo sát và thu thập số liệu để tổng hợp tại bảng 2.5 về tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập kết quả chọn các mức độ của CBQL và GV các trường như sau:

Bảng 2.5. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của hiệu trưởng các trường THCS huyện Yên Sơn (n = 36)

STT	Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh	Mức độ thực hiện									Kết quả đạt được								
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên	12	33.3	6	16.7	17	47.2	1	2.8	1.81	14	38.9	4	11.1	15	41.7	3	8.3	1.81
2	Trao đổi trực tiếp với GVCN, GV bộ môn	25	69.4	3	8.3	7	19.4	1	2.8	2.4	24	66.7	6	16.7	5	13.9	1	2.8	2.47
3	Trao đổi trực tiếp với tổ chức Đoàn, Đội, nhân viên nhà trường	23	63.9	5	13.9	5	13.9	3	8.3	2.3	21	58.9	5	13.9	10	27.8	0	0	2.31
4	Trao đổi trực tiếp với đại diện	17	47.2	5	13.9	14	38.9	0	0	2.08	16	44.4	5	13.9	14	38.9	1	2.8	2.0

	cha mẹ học sinh																		
5	Trao đổi với học sinh	27	75	1	2.8	8	22.2	0	0	2.53	25	69.4	3	8.3	8	22.2	0	0	2.47

Tổ chức thực hiện 1: Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên. Nhìn vào bảng 2.5 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thông qua mức độ tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên là ở mức độ trung bình: 1.81; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ Trung bình: 1.81. Chứng tỏ CBQL và GV ở các trường nhận thức chưa cao trong việc trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh dẫn đến kết quả đạt được khi thực hiện nâng cao nhận thức chưa theo mong muốn.

Tổ chức thực hiện 2: HT trao đổi trực tiếp với GVCN, GV bộ môn. Nhìn vào bảng 2.5 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thông qua việc Hiệu trưởng trao đổi trực tiếp với GVCN, GV bộ môn ở mức độ khá: 2.4; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.47. Chứng tỏ Hiệu trưởng các trường thường xuyên trao đổi với GVCN và GV bộ môn về giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập dẫn đến kết quả thực hiện công việc cũng khá cao.

Tổ chức thực hiện 3: Trao đổi trực tiếp với tổ chức Đoàn, Đội, nhân viên nhà trường. Nhìn vào bảng 2.5 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thông qua việc trao đổi trực tiếp với tổ chức Đoàn, Đội, nhân viên nhà trường là ở mức độ khá: 2.3; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc là ở mức độ khá: 2.31. Chứng tỏ Hiệu trưởng các trường thường xuyên trao đổi với tổ chức Đoàn, Đội, nhân viên nhà trường dẫn đến kết quả thực hiện công việc là cao.

Tổ chức thực hiện 4: Trao đổi trực tiếp với đại diện cha mẹ học sinh. Nhìn vào bảng 2.5 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thông qua trao đổi trực tiếp với đại diện cha mẹ học sinh ở mức độ trung bình: 2.08; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc là ở mức độ trung bình: 2.0. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thực hiện trao đổi trực tiếp với đại diện cha mẹ học sinh ở mức độ chưa thường xuyên dẫn đến kết quả thực hiện không cao.

Tổ chức thực hiện 5: Trao đổi với học sinh. Nhìn vào bảng 2.5 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thực hiện trao đổi với học sinh ở mức

độ khá: 2.53; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.47. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thường xuyên trao đổi với học sinh khi thấy có những lệch lạc trong hành vi của các em dẫn đến kết quả đạt được khá khả quan trong việc giáo dục được các em có biểu hiện trở ngại tâm lý trong học tập.

2.3.2.3. *Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh THCS gặp trở ngại tâm lý trong học tập*

a. *Chỉ đạo GVCN thực hiện kế hoạch thông qua giờ sinh hoạt lớp*

Qua khảo sát và thu thập số liệu để tổng hợp tại bảng 2.6 về chỉ đạo GVCN thực hiện kế hoạch thông qua giờ sinh hoạt lớp, kết quả thể hiện như sau:

Bảng 2.6. Chỉ đạo GVCN thực hiện kế hoạch thông qua giờ sinh hoạt lớp của hiệu trưởng các trường THCS huyện yên Sơn (n=36)

STT	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch	Mức độ thực hiện								Kết quả đạt được									
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Xây dựng tiêu chí đánh giá cho từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.	16	44.4	8	22.2	12	33.3	0	0	2.1	16	44.4	8	22.2	12	33.3	0	0	2.1
2	Thực hiện chế độ báo cáo	29	80.6	5	13.9	2	5.6	0	0	2.75	26	72.2	8	22.2	2	5.6	0	0	2.7
3	Thường xuyên theo dõi tiết sinh hoạt lớp và dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm đột xuất, định kỳ ở các lớp.	21	58.9	5	13.9	10	27.8	0	0	2.31	21	58.9	5	13.9	10	27.8	0	0	2.31
4	Yêu cầu tiết sinh hoạt chủ nhiệm phải thể hiện sự phù hợp với từng	16	44.4	2	5.6	17	47.2	1	2.8	1.92	15	41.7	3	8.3	17	47.2	1	2.8	1.9

loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.																			
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch 1: Xây dựng tiêu chí đánh giá cho từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập. Nhìn vào bảng 2.6 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thực hiện việc xây dựng chuẩn đánh giá cho từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở mức độ khá là: 2.1; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá là: 2.1. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đều quan tâm đến việc xây dựng chuẩn đánh giá cho từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch 2: Thực hiện chế độ báo cáo. Nhìn vào bảng 2.6 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện chế độ báo cáo ở mức độ khá: 2.75; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.7. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đều thực hiện tốt chế độ báo cáo về tình hình học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch 3: Thường xuyên theo dõi tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở các lớp và dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm đột xuất, định kỳ ở các lớp. Nhìn vào bảng 2.6 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thường xuyên theo dõi tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở các lớp và dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm đột xuất, định kỳ ở mức độ khá: 2.31; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.31. Chứng tỏ CBQL và GV các trường rất quan tâm và thường xuyên theo dõi tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở các lớp.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch 4: Yêu cầu tiết sinh hoạt chủ nhiệm phải thể hiện sự phù hợp với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý khác nhau trong học tập. Nhìn vào bảng 2.6 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường cho biết khi thực hiện tiết sinh hoạt chủ nhiệm phải phù hợp với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở mức độ trung bình: 1.92; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả thực hiện công việc là ở mức độ trung bình: 1.9. Chứng tỏ CBQL và GV các trường chưa thực hiện được tiết sinh hoạt chủ nhiệm phù hợp với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập nên kết quả thực hiện không cao.

b. Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm

Qua khảo sát về Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm kết quả thể hiện như sau:

Bảng 2.7. Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm của hiệu trưởng các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (n=36)

S TT	Quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm	Mức độ thực hiện								Kết quả đạt được									
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Qui định chế độ sinh hoạt, báo cáo	28	77.8	7	19.4	1	2.8	0	0	2.75	26	72.2	9	25	1	2.8	0	0	2.7
2	Hướng dẫn nội dung sinh hoạt, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.	17	47.2	15	41.7	4	11.1	0	0	2.36	16	44.4	16	44.4	4	11.1	0	0	2.3
3	Tổ chức báo cáo để xác lập và thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.	23	63.9	9	25	4	11.1	0	0	2.53	21	58.3	11	30.6	4	11.1	0	0	2.47
4	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.	28	77.8	7	19.4	1	2.8	0	0	2.75	26	72.2	9	25	1	2.8	0	0	2.7
5	Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề.	15	41.7	3	8.3	17	47.2	1	2.8	1.9	16	44.4	2	5.6	17	47.2	1	2.8	1.92
6	Bố trí thời khóa biểu hợp lý để các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt không bị ảnh hưởng.	28	77.8	5	13.9	3	8.3	0	0	2.69	26	72.2	7	19.4	3	8.3	0	0	2.64
7	Bố trí phòng họp riêng cho tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm	18	50	16	44.4	2	5.6	0	0	2.4	16	44.4	18	50	2	5.6	0	0	2.3
8	Bồi dưỡng năng lực điều khiển các cuộc họp và chất lượng các cuộc họp của tổ	22	61.1	9	25	5	13.9	0	0	2.47	20	55.6	11	30.6	5	13.9%	0	0	2.42

chuyên môn, tổ chủ nhiệm.																			
------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nội dung 1: Qui định chế độ sinh hoạt, báo cáo. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện qui định về chế độ sinh hoạt, báo cáo ở mức độ khá: 2.75; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện qui định chế độ sinh hoạt, báo cáo ở mức độ khá: 2.7. Chúng tôi CBQL và GV các trường rất quan tâm đến việc thực hiện chế độ sinh hoạt, báo cáo.

Nội dung 2: Hướng dẫn nội dung sinh hoạt, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện hướng dẫn và làm theo hướng dẫn nội dung sinh hoạt, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm điểm ở mức độ khá: 2.36; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.3. Chúng tôi CBQL và GV các trường rất quan tâm đến việc hướng dẫn và thực hiện theo hướng dẫn nội dung sinh hoạt, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

Nội dung 3: Tổ chức báo cáo chuyên đề để xác lập và thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện tổ chức báo cáo chuyên đề khoa học để xác lập và thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở mức độ khá: 2.53; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.47. Chúng tôi CBQL và GV các trường rất quan tâm đến các báo cáo và chuyên đề khoa học để xác lập và thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Nội dung 4: Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm ở mức độ khá: 2.75; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.7. Chúng tôi CBQL và GV các trường thực hiện rất tốt việc kiểm tra, đánh giá về tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

Nội dung 5: Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện tăng cường chỉ đạo và thực hiện theo chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm ở mức độ trung bình: 1.9; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ trung bình: 1.92. Chúng tỏ CBQL và GV các trường có sinh hoạt tổ chuyên môn tổ chủ nhiệm nhưng chất lượng sinh hoạt chưa cao chưa bám sát nên kết quả thực hiện không cao.

Nội dung 6: Bố trí thời khóa biểu hợp lý để các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt không bị ảnh hưởng. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thực hiện việc bố trí thời khóa biểu hợp lý để các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt không bị ảnh hưởng ở mức độ khá: 2.69. Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.64. Chúng tỏ CBQL và GV các trường đã bố trí thời khóa biểu hợp lý để các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt đạt hiệu quả tốt.

Nội dung 7: Bố trí phòng họp riêng cho tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thực hiện việc bố trí phòng họp riêng cho tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm ở mức độ khá: 2.4. Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.3. Chúng tỏ CBQL và GV các trường đã bố trí phòng họp hợp lý để tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt không bị ảnh hưởng.

Nội dung 8: Bồi dưỡng năng lực điều khiển các cuộc họp và chất lượng các cuộc họp của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Nhìn vào bảng 2.7 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện bồi dưỡng năng lực điều khiển các cuộc họp và chất lượng các cuộc họp của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm ở mức độ khá: 2.47; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.42. Chúng tỏ CBQL và GV các trường đã thực hiện tốt việc bồi dưỡng cho các tổ trưởng năng lực điều khiển các cuộc họp và chất lượng các cuộc họp tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

c. Chỉ đạo sự phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội

Qua khảo sát và thu thập số liệu để tổng hợp tại bảng 2.8 về chỉ đạo sự phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội kết quả chọn các mức độ của CBQL và GV các trường như sau:

Bảng 2.8. Chỉ đạo sự phối hợp giữa GVCN với Đoàn, Đội ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (n=36)

STT	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch	Mức độ thực hiện								Kết quả đạt được								Điểm TB	
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL		%
1	Tổ chức sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và kỉ niệm các ngày lễ lớn.	28	77.8	8	22.2	0	0	0	0	2.8	26	72.2	10	27.8	0	0	0	0	2.72
2	Coi trọng và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nề nếp, lối sống văn minh lành mạnh trong thanh thiếu niên.	26	72.2	5	13.9	5	13.9	0	0	2.58	24	66.7	7	19.4	5	13.9	0	0	2.53
3	Tổ chức giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý thông qua các hoạt động văn nghệ, TĐTT, các hội thi...	27	75	5	13.9	4	11.1	0	0	2.64	25	69.4	7	19.4	4	11.1	0	0	2.58
4	Cùng với ban lao động nhà trường tổ chức các buổi lao động tập thể	30	83.3	3	8.3	3	8.3	0	0	2.75	28	77.8	5	13.9	3	8.3	0	0	2.69
5	Xây dựng các câu lạc bộ trong nhà trường như: Anh văn, Toán, TĐTT.	30	83.3	5	13.9	1	2.8	0	0	2.81	28	77.8	7	19.4	1	2.8	0	0	2.75
6	Phát huy vai trò của Đoàn, Đội trong việc tổ chức các hoạt động GDNGLL cho	13	36.1	5	13.9	17	47.2	1	2.8	1.83	11	30.6	7	19.4	17	47.2	1	2.8	1.69

	học sinh																		
--	----------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nội dung 1: Tổ chức sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và kỉ niệm các ngày lễ lớn. Nhìn vào bảng 2.8 chúng ta thấy. Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện việc tổ chức sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và kỉ niệm các ngày lễ lớn ở mức độ khá: 2.8; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.72. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thực hiện tốt việc tổ chức sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và kỉ niệm các ngày lễ lớn.

Nội dung 2: Coi trọng và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nề nếp, lối sống văn minh lành mạnh trong thanh thiếu niên. Nhìn vào bảng 2.8 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện việc đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nề nếp, lối sống văn minh lành mạnh trong thanh thiếu niên ở mức độ khá: 2.58; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.53. Chứng tỏ CBQL và GV các trường coi trọng và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nề nếp, lối sống văn minh lành mạnh trong thanh thiếu niên.

Nội dung 3: Tổ chức giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý thông qua các hoạt động văn nghệ, TDTT, các hội thi... Nhìn vào bảng 2.8 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện việc tổ chức giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý thông qua các hoạt động văn nghệ, TDTT, các hội thi... ở mức độ khá: 2.64; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.58. Chứng tỏ CBQL và GV các trường tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ, TDTT, các hội thi để góp phần giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Nội dung 4: Cùng với ban lao động nhà trường tổ chức các buổi lao động tập thể. Nhìn vào bảng 2.8 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường trong việc tổ chức các buổi lao động tập thể là ở mức độ khá: 2.75; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả khi thực hiện công việc ở mức độ khá:

2.69. Chứng tỏ CBQL và GV các trường tổ chức tốt các buổi lao động tập thể cho học sinh.

Nội dung 5: Xây dựng các câu lạc bộ trong nhà trường như: Anh văn, Toán, TĐTT. Nhìn vào bảng 2.8 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường trong việc thực hiện xây dựng các câu lạc bộ trong nhà trường ở mức độ khá: 2.81; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả thu được khi thực hiện công việc là ở mức độ khá: 2.75. Chứng tỏ CBQL và GV các trường làm tốt công tác xây dựng các câu lạc bộ trong nhà trường giúp giáo dục tốt hơn cho học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thông qua các hoạt động thực tế.

Nội dung 6: Phát huy vai trò của Đoàn, Đội trong việc tổ chức các hoạt động GDNGLL cho học sinh. Nhìn vào bảng 2.8 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường thực hiện phát huy vai trò của Đoàn, Đội trong việc tổ chức các hoạt động GDNGLL cho học sinh ở mức độ trung bình: 1.83; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả thu được khi thực hiện công việc ở mức độ trung bình: 1.69. Chứng tỏ CBQL và GV các trường cho rằng Đoàn, Đội chưa phát huy được vai trò của mình trong việc thực hiện các hoạt động GDNGLL cho học sinh.

d. Tổ chức, chỉ đạo phối hợp giữa GVCN với ban đại diện cha mẹ học sinh

Qua khảo sát và thu thập số liệu để tổng hợp tại bảng 2.9 về tổ chức, chỉ đạo phối hợp giữa GVCN với ban đại diện cha mẹ học sinh kết quả chọn các mức độ của CBQL và GV các trường như sau:

Bảng 2.9. Chỉ đạo phối hợp giữa GVCN với ban đại diện cha mẹ học sinh các trường THCS huyện Yên Sơn, Tuyên Quang (n = 36)

STT	Tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch	Mức độ thực hiện								Kết quả đạt được									
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Chỉ đạo việc tổ chức hội nghị CMHS vào đầu năm học, cuối kỳ, cuối năm.	33	91.7	3	8.3	0	0	0	0	2.92	30	83.3	6	16.7	0	0	0	0	2.83
2	Chỉ đạo việc cử đại diện PHHS tham gia hội đồng giáo dục nhà trường và một số tổ chức của trường	30	83.3	6	16.7	0	0	0	0	2.83	26	72.2	10	27.8	0	0	0	0	2.72
3	Tổ chức trao đổi kinh nghiệm giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý cho các bậc cha mẹ có học sinh gặp trở ngại về tâm lý.	15	41.7	15	41.7	3	8.3	3	8.3	2.17	14	38.9	14	38.9	5	13.9	3	8.3	2.08
4	Tham gia và vận động cha mẹ của học sinh gặp trở ngại về tâm lý cùng tham gia vào hội khuyến học của nhà trường.	23	63.9	5	13.9	5	13.9	3	8.3	2.3	20	55.6	8	22.2	5	13.9	3	8.3	2.25

Nội dung 1: Chỉ đạo việc tổ chức hội nghị CMHS vào đầu năm học, cuối kỳ, cuối năm. Nhìn vào bảng 2.9 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV ở mức độ thực hiện chỉ đạo việc tổ chức hội nghị CMHS ở mức độ khá: 2.92; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.83. Chúng tỏ CBQL và GV rất quan tâm đến việc chỉ đạo việc tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh vào đầu năm học, cuối kỳ, cuối năm học.

Nội dung 2: Chỉ đạo việc cử đại diện PHHS tham gia hội đồng giáo dục nhà trường và một số tổ chức của trường. Nhìn vào bảng 2.9 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường ở mức độ thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.83; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả thực hiện thực hiện công việc ở mức độ khá là: 2.72. Chúng tỏ CBQL và GV các trường rất quan tâm đến việc cử ra đại diện PHHS tham gia vào hội đồng giáo dục nhà trường và một số tổ chức của trường.

Nội dung 3: Tổ chức trao đổi kinh nghiệm giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý cho các bậc cha mẹ có học sinh gặp trở ngại về tâm lý; giúp nhau có biện pháp, hình thức tổ chức cho con em học tập và rèn luyện ở gia đình đạt hiệu quả cao. Nhìn vào bảng 2.9 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV trong việc thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.17; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả thực hiện công việc đạt mức độ khá: 2.08. Chúng tỏ CBQL và GV các trường tổ chức tốt việc trao đổi kinh nghiệm giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý cho các bậc cha mẹ có học sinh gặp trở ngại về tâm lý; giúp nhau có biện pháp, hình thức tổ chức cho con em học tập và rèn luyện ở gia đình đạt hiệu quả cao.

Nội dung 4: Tham gia và vận động cha mẹ của học sinh gặp trở ngại về tâm lý cùng tham gia vào hội khuyến học của nhà trường. Nhìn vào bảng 2.9 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường về mức độ thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.3; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả thực hiện công việc đạt mức độ khá: 2.25. Chúng tỏ CBQL và GV các trường đều quan tâm và thực hiện việc vận động cha mẹ học sinh gặp trở ngại tâm lý tham gia vào hội khuyến học của nhà trường và thực hiện rất tốt công tác này.

2.3.2.4. Kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập

Qua khảo sát và thu thập số liệu để tổng hợp tại bảng 2.10 về kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập kết quả chọn các mức độ của CBQL và GV các trường như sau:

Bảng 2.10. Kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, Tuyên Quang (n = 36)

S TT	Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục	Mức độ thực hiện								Kết quả đạt được									
		RTX		TX		Không TX		Không thực hiện		Điểm TB	Rất tốt		Tốt		Khá		Chưa tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Có lịch kiểm tra hàng tháng và học kỳ	30	83.3	6	44.4	0	0	0	0	2.83	28	77.8	8	22.2	0	0	0	0	2.8
2	Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định.	33	91.7	3	8.3	0	0	0	0	2.92	31	86.1	5	13.9	0	0	0	0	2.86
3	Xây dựng chuẩn đánh giá đáp ứng với từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong đó có học tập.	28	77.8	7	19.4	1	2.8	0	0	2.75	26	72.2	9	25	1	2.8	0	0	2.69
4	Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở	12	33.3	3	8.3	21	58.3	0	0	1.75	11	30.6	4	11.1	21	58.3	0	0	1.72

ngại về tâm lý.																			
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nội dung 1: Có lịch kiểm tra hàng tháng và học kỳ nhằm theo dõi sự tiến bộ của HS gặp trở ngại về tâm lý, kịp thời động viên khuyến khích các em. Nhìn vào bảng 2.10 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV về mức độ thực hiện công việc kiểm tra hàng tháng và học kỳ theo lịch ở mức độ khá: 2.83; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.8. Chứng tỏ CBQL và GV các trường kiểm tra hàng tháng và học kỳ về sự tiến bộ của học sinh có trở ngại tâm lý thực hiện tốt và có lịch cụ thể.

Nội dung 2: Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ, quy định của nhà trường học tập, nảy sinh tiêu cực trong đánh giá HS gặp trở ngại về tâm lý. Nhìn vào bảng 2.10 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện chế độ kiểm tra, đánh giá theo qui định của Bộ, nhà trường trong đánh giá học sinh ở mức độ khá: 2.92; Điểm trung bình của CBQL và GV dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thực hiện đúng chế độ kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ, quy định của nhà trường học tập, nảy sinh tiêu cực trong đánh giá HS gặp trở ngại về tâm lý.

Nội dung 3: Xây dựng chuẩn đánh giá đáp ứng với từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong đó có học tập. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh gặp trở ngại về tâm lý rèn luyện tốt hơn. Nhìn vào bảng 2.10 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường khi thực hiện xây dựng chuẩn đánh giá đáp ứng với từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong đó có học tập. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh gặp trở ngại về tâm lý rèn luyện tốt hơn điểm ở mức độ khá: 2.75. Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ khá: 2.69. Chứng tỏ CBQL và GV các trường thực hiện tốt việc xây dựng chuẩn đánh giá đáp ứng với từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong đó có học tập.

Nội dung 4: Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại về tâm lý. Nhìn vào bảng 2.10 chúng ta thấy: Điểm trung bình của

CBQL và GV các trường thực hiện tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở mức độ trung bình: 1.75; Điểm trung bình của CBQL và GV các trường dựa vào kết quả đạt được khi thực hiện công việc ở mức độ trung bình: 1.72. Chứng tỏ CBQL và GV các trường chưa thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý giáo dục học sinh THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang gặp trở ngại tâm lý trong học tập

2.4.1. Các yếu tố chủ quan

Do cán bộ quản lý còn xem nhẹ việc xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập; công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý chưa được tuyên truyền rộng rãi trong tập thể giáo viên; sự phối hợp giữa GVCN với phụ huynh và các lực lượng giáo dục trong trường chưa tốt; hoạt động của Đoàn thanh niên trong giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý chưa thật toàn diện và hiệu quả; thực hiện xã hội hóa giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý nhà trường làm chưa tốt; việc đánh giá, khen thưởng còn nhiều hạn chế.

2.4.2. Các yếu tố Khách quan

Do các cấp lãnh đạo và xã hội coi việc giáo dục ở các trường là kết quả học tập văn hóa nhiều hơn là chất lượng về quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại tâm lý; do ảnh hưởng của gia đình và môi trường xã hội; do phần lớn GVCN mới ra trường nên thiếu kinh nghiệm trong thực hiện các biện pháp giáo dục; do giáo viên phải làm thêm nghề phụ hoặc đi dạy thêm, ít quan tâm và đầu tư công sức vào công tác chủ nhiệm.

Thực trạng những yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của BGH và GVCN ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang được trình bày ở bảng

Bảng 2.11. Những yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của các trường THCS trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (n = 36)

S TT	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng								Điểm TB
		Nhiều		Vừa		Ít		Không		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thiếu rõ ràng.	17	47.2	9	25	9	25	1	2.8	2.17
2	Kiến thức và phương pháp giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý của một số GVCN còn hạn chế.	18	50	17	47.2	1	2.8	0	0	2.47
3	Sự phối hợp giữa GVCN với GVBM, Đoàn đội, Ban ĐDCMHS chưa thống nhất, thiếu đồng bộ. Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thiếu rõ ràng.	19	52.8	9	25	8	22.2	0	0	2.3
4	Những tác động xấu từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.	17	47.2	8	22.2	7	19.4	2	5.6	1.92
5	Điều kiện thời gian, cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý không đầy đủ.	23	63.9	5	13.9	8	22.2	0	0	2.42

Ở yếu tố 1: Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thiếu rõ ràng. Nhìn vào bảng 2.11 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường về yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về nội

dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thiếu rõ ràng ở mức độ khá 2.17. Chứng tỏ CBQL và GV các trường nhận thức tốt về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Ở yếu tố 2: Kiến thức và phương pháp giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý của một số GVCN còn hạn chế. Nhìn vào bảng 2.11 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường ở việc áp dụng kiến thức phương pháp giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý ở mức độ khá: 2.47. Chứng tỏ CBQL và GV các trường cho rằng giáo viên chủ nhiệm đã áp dụng nhuần nhuyễn kiến thức và phương pháp vào giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Ở yếu tố 3: Sự phối hợp giữa GVCN với GVBM, Đoàn, Đội, Ban ĐDCMHS chưa thống nhất, thiếu đồng bộ. Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý thiếu rõ ràng. Nhìn vào bảng 2.11 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và các trường về mức độ ảnh hưởng chưa thống nhất thiếu đồng bộ của GVCN, GVBM, Đoàn, Đội, Ban ĐDCMHS ở mức độ khá: 2.3. Chứng tỏ CBQL và GV các trường cho rằng việc phối hợp ở các trường là thống nhất và đồng bộ giữa GVCN, GVBM, Đoàn, Đội, Ban ĐDCMHS.

Ở yếu tố 4: Những tác động xấu từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập. Nhìn vào bảng 2.11 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường về mức độ ảnh hưởng của tác động xấu từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở mức độ trung bình: 1.92. Chứng tỏ CBQL và GV các trường cho rằng môi trường kinh tế - xã hội có ảnh hưởng nhiều đến việc quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Ở yếu tố 5: Điều kiện thời gian, cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý không đầy đủ. Nhìn vào bảng 2.11 chúng ta thấy: Điểm trung bình của CBQL và GV các trường đánh giá về mức độ ảnh hưởng của thời gian, cơ sở vật chất đến hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở mức độ khá 2.42. Chứng tỏ CBQL và GV các trường cho rằng điều kiện thời gian và cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

Kết luận chương 2

Qua phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập tại các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang chúng tôi nhận thấy:

Nhìn chung các Hiệu trưởng trường đều nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập thể hiện qua việc lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện, phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

Dù chưa có quy chuẩn đầy đủ về hoạt động quản lý giáo dục HS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập nhưng các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đã nắm được nội dung, biện pháp quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập và cố gắng thực hiện tốt. Đặc biệt là hoạt động có tính cụ thể, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập như: công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện HS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập, thống nhất sự theo dõi, nhắc nhở, kiểm tra đối với từng loại HS gặp trở ngại về tâm lý, ghi nhận sự tiến bộ của HS gặp trở ngại về tâm lý trong học tập theo học kỳ, năm học... được chú trọng và thực hiện có kết quả tốt.

Tuy vậy, công tác quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang cũng còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là các hoạt động mang tính lâu dài như nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý trong học tập; chỉ đạo quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm; Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập; Vai trò của Đoàn, Đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý; phối hợp giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý. Điều này làm cho HĐGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang chưa đạt kết quả mong muốn.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC HỌC SINH
GẶP TRỞ NGẠI VỀ TÂM LÝ Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN YÊN SƠN,
TỈNH TUYÊN QUANG

3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp

Dựa trên cơ sở lý luận về GD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở nhà trường THCS đã trình bày ở chương 1, thực trạng quản lý GD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang được khảo sát ở chương 2, chúng tôi đề xuất một số biện pháp quản lý HGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nhằm nâng cao chất lượng quản lý HGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường này. Các biện pháp được đề xuất tuân theo các nguyên tắc sau:

3.1.1. Đảm bảo tính đồng bộ

Trong giới hạn của luận văn, tác giả chỉ đề xuất một số biện pháp trên một vài bình diện, song các đề xuất này không phá vỡ tính đồng bộ của công tác quản lý HGD nói chung và HGD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập nói riêng ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Các biện pháp được đề xuất cho hoạt động QLGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý đi từ chung đến riêng, từ cấp độ rộng đến hẹp.

Các biện pháp đề xuất liên quan đến các cấp quản lý khác nhau: chi bộ Đảng, Ban GH, các tổ chuyên môn, tổ hành chính, Công đoàn, Đoàn thanh niên, hội phụ huynh...

3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn

Các biện pháp được đề xuất cho hoạt động QLGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý phải có khả năng thực thi trong thực tiễn quản lý ở các trường THCS tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Nói cụ thể là, các biện pháp đề xuất phải phù hợp, thống nhất với nội dung quản lý HGD trong nhà trường THCS, phù hợp với đặc điểm của địa phương.

Các biện pháp của đề xuất phải đảm bảo tính hiện đại, tính phát triển, sự hài hòa, cân đối của nội dung quản lý, phát huy tính tự chủ, năng động sáng tạo của các lực lượng giáo dục nhất là đội ngũ GVCN.

Ngoài ra, các biện pháp đề xuất phải tính đến khả năng và trình độ của đội ngũ CBQL nhà trường, với điều kiện của nhà trường, địa phương; tác động của những mặt trái của cơ chế thị trường đối với HS trong giai đoạn hiện nay.

3.1.3. Đảm bảo tính khả thi

Nguyên tắc này đòi hỏi biện pháp đưa ra phải được sự đồng thuận của các cấp quản lý giáo dục, của địa phương, của cha mẹ học sinh, của học sinh và đặc biệt là sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, giáo viên, các tổ chức trong nhà trường.

3.1.4. Đảm bảo tính hiệu quả

Các biện pháp đề xuất khi triển khai trong công tác quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý sẽ tạo ra kết quả cao trên nhiều phương diện như quản lý tốt hiệu quả HĐGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý của GVCN; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý cho đội ngũ GVCN mà không gây áp lực cho họ; tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Các biện pháp phải khơi dậy tinh thần trách nhiệm, long nhiệt tình, long nhân ái, sự lạc quan tin tưởng ở con người trong đội ngũ GVCN, giáo viên trong trường và cán bộ quản lý các cấp. Từ đó, nhiệm vụ giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý được thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Biện pháp cụ thể

3.2.1. Nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS

3.2.1.1. Mục đích của biện pháp

Từ kết quả khảo sát cho thấy do những thay đổi của đời sống, của cơ chế thị trường và sự phát triển của khoa học - công nghệ đã có rất nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến mọi thành phần trong xã hội, chi phối các mối quan hệ. Môi trường GD học

đường, GD gia đình; quan hệ máu mủ, quan hệ thầy trò là những môi trường GD trong sáng, lành mạnh có ảnh hưởng không nhỏ tới việc giáo dục cho học sinh gặp trở ngại tâm lý.

Trong nhà trường hiện nay đã xuất hiện xu hướng rèn chữ hơn rèn người từ đó dẫn đến tình trạng thờ ơ thiếu trách nhiệm trong việc giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý của một bộ phận xã hội và cán bộ GV. Hệ quả tất yếu của của hiện tượng trên là cho ra đời những sản phẩm giáo dục chưa hoàn thiện, chưa toàn diện.

Chính vì thế mà việc nâng cao nhận thức của giáo viên về hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý cho đội ngũ cán bộ GV là yếu tố quan trọng có tính chất quyết định sự thành công trong công tác GDHS gặp trở ngại tâm lý.

Tạo ra chuyên biên về mặt nhận thức và năng lực nhận thức trong CBGV về công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý. Xác định rõ và nâng cao trách nhiệm của mỗi thành viên đối với công tác giáo dục; nâng cao chất lượng GD học sinh gặp trở ngại tâm lý từ đó có các biện pháp khắc phục cụ thể với học sinh gặp trở ngại tâm lý.

3.2.1.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Từ thực trạng về chất lượng quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý và công tác giáo dục học sinh THCS huyện Yên Sơn, cho CBGV thấy rõ vai trò, vị trí công tác GD tâm lý cho học sinh, xác định được những công việc cụ thể, trách nhiệm của mình và mục tiêu phải phấn đấu trong GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập ở các trường THCS huyện Yên Sơn trong giai đoạn hiện nay, gắn với từng năm học cụ thể.

Căn cứ vào vai trò, vị trí và nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân để lựa chọn nội dung cần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên cho phù hợp từng đối tượng:

Đối với GVCN: Phải làm cho họ ý thức được vai trò to lớn, quan trọng của mình trong việc GD học sinh gặp trở ngại tâm lý. Nhân cách của GVCN có ảnh hưởng trực tiếp và rất quan trọng đến tập thể và từng cá nhân học sinh. Có những trường hợp cụ thể vai trò của GVCN có tính chất quyết định đến sự hình thành nhân cách của học sinh mà các lực lượng khác không thể thay thế được.

Đối với GVBM: Cần phải làm cho họ nhận thức rõ tầm quan trọng của GD học sinh gặp trở ngại tâm lý và xác định đúng đắn mối quan hệ giữa “dạy chữ” và “dạy người”. Từ đó thấy rõ trách nhiệm phải thường xuyên quan tâm uốn nắn nhận thức, thái độ, hành vi đối với học sinh gặp trở ngại về tâm lý cho các em hàng ngày bằng sự lồng ghép nội dung bài học và bằng chính tấm gương nhân cách của người thầy. Chất lượng GD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập một phần do chính các thầy cô bộ môn và sự gấn bó cộng đồng, trách nhiệm của các thầy cô làm nên chứ không phải chỉ do hội phụ huynh, Đoàn thanh niên, Đội TNTP HCM, GVCN, BGH...

Thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu năm học, Hiệu trưởng cần quán triệt cho toàn thể CBGV thấy được vai trò, vị trí, mục tiêu của công tác GD học sinh gặp trở ngại tâm lý ở trường THCS trong bối cảnh hiện nay và trách nhiệm của mỗi thành viên trong công tác này.

Thông qua các cuộc họp đầu năm, làm cho các CBGV thấy rõ tinh thần chỉ đạo, chủ trương của Đảng, Nhà nước của Bộ GD-ĐT, của sở GD-ĐT, của chính quyền các cấp về công tác GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý, quán triệt kế hoạch hoạt động GD học sinh gặp trở ngại về tâm lý, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc thực hiện.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Hiệu trưởng phải quan tâm thường xuyên đến công tác GD học sinh gặp trở ngại về tâm lý và là những người gương mẫu, đi đầu trong công tác này.

- Hiệu trưởng phải xây dựng được kế hoạch GD học sinh gặp trở ngại tâm lý cho cả năm học, vừa bao quát, cụ thể khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường.

- Tạo dựng và duy trì được bầu không khí sư phạm lành mạnh, tích cực.

- Lựa chọn, phân công đúng người, đúng việc trong công tác GD cho học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

- Lựa chọn được nội dung cần nâng cao nhận thức phù hợp với vai trò, chức năng, trách nhiệm, đặc điểm của từng đối tượng; lựa chọn hình thức truyền đạt, tổ chức thực hiện nhiệm vụ nâng cao GD cho học sinh gặp trở ngại về tâm lý gọn nhẹ, hiệu quả, ít tốn kém.

3.2.2. Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm

3.2.2.1. Mục đích của biện pháp

Hiệu trưởng chỉ đạo và quản lý công tác sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm với nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện quản lý học sinh gặp trở ngại tâm lý đạt hiệu quả cao.

3.2.2.2. Nội dung và cách thức thực hiện

- Quy định chế độ sinh hoạt và báo cáo.
- Hướng dẫn nội dung sinh hoạt, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

- Chú trọng tính thống nhất, đồng bộ và tác động tương hỗ giữa tổ chuyên môn, GVCN và GVBM.

- Tổ chức báo cáo chuyên đề khoa đề xác lập và thống nhất nội dung, phương pháp giáo dục đối với từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

- Kiểm tra đánh giá việc thực hiện của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm.

- Đầu năm HT xây dựng quy chế nội bộ về sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Theo điều lệ Trường trung học “Quyết định số 07/2007/QĐ - BGD & ĐT ngày 02/04/2007 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT”, mỗi tháng các tổ, nhóm chuyên môn sinh hoạt 2 lần. Trong sinh hoạt của tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm trong nhà trường, Hiệu trưởng cần ấn định rõ thời gian và nội dung sinh hoạt của từng lần như sau:

+ Lần thứ nhất: vào tuần giữa tháng. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm bao gồm: thảo luận, góp ý quá trình sinh hoạt, giải quyết những vấn đề khúc mắc, những tình huống khó giải quyết; thảo luận về nội dung và phương pháp giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý, hướng dẫn GVCN nội dung sinh hoạt của 2 tuần tiếp theo có bổ sung điều chỉnh kế hoạch chủ nhiệm.

+ Lần thứ hai: Vào tuần cuối tháng. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm bao gồm: tổ trưởng kiểm tra hoặc phân công kiểm tra chéo hồ sơ chuyên môn và hồ sơ chủ nhiệm của từng GV, nhật ký của chủ nhiệm, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chủ nhiệm và những chuyển biến của học sinh gặp trở ngại về tâm lý. Góp ý

cho BGH, GV bộ môn và các tổ trong nhà trường, bình xét thi đua GV trong tổ và GVCN trong tháng.

3.2.2.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Hàng tuần, hàng tháng, Hiệu trưởng lên kế hoạch chỉ đạo cho các tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm sinh hoạt về thời gian cũng như nội dung sinh hoạt và kiểm tra việc sinh hoạt bằng cách tham dự đột xuất các buổi sinh hoạt của các tổ chuyên môn và tổ chủ nhiệm.

- Bố trí, sắp xếp thời khóa biểu hợp lý sao cho các tổ viên các tổ, GVCN trong một tuần được nghỉ trọn vẹn một buổi để có thời gian sinh hoạt cũng như tổ chức các buổi chuyên đề về chuyên môn hoặc giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

- Bố trí một phòng họp riêng biệt để việc sinh hoạt của các tổ không bị ảnh hưởng của các hoạt động bên ngoài.

- Bồi dưỡng năng lực tổ chức, điều hành sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm cho các tổ trưởng; động viên, khuyến khích các tổ trưởng suy nghĩ, sáng tạo đề xuất các nội dung và hình thức sinh hoạt phong phú nhằm làm cho các buổi sinh hoạt của tổ thêm sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn tổ viên và GVCN tham gia.

3.2.3. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập

3.2.3.1. Mục đích của biện pháp

Hiệu trưởng xây dựng dự thảo kế hoạch giáo dục HS gặp trở ngại về tâm lý ngay từ đầu năm học. sau đó thông qua Hội đồng sư phạm, Ban ĐDCMHS góp ý để trở thành một nghị quyết được thống nhất cao.

3.2.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập phải đảm bảo thực hiện những yêu cầu sau:

- Kế hoạch giáo dục HS gặp trở ngại tâm lý trong học tập phải được xây dựng dựa trên kế hoạch chung của ngành, đáp ứng được nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhiệm vụ trọng tâm của năm học và phải phù hợp với đặc điểm hoàn cảnh của từng trường.

- Kế hoạch phải được xây dựng cụ thể từng học kỳ, năm học. Phải có kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm theo từng thời kỳ.

- Kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập phải được xây dựng trên cơ sở phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

- Xây dựng các hoạt động theo chủ đề, những ngày lễ lớn, những đợt thi đua, những cuộc vận động chính trị - xã hội phải được chuẩn bị trước về thời gian, lực lượng tham gia và hình thức tiến hành.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Việc xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập cho cả năm học, sẽ giúp cho HT có cái nhìn bao quát về hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý diễn ra trong năm học và có sự phân phối nguồn lực hợp lý cho hoạt động. Các bộ phận và cá nhân chủ động trong việc chuẩn bị cho các hoạt động đã dự kiến ngay từ đầu năm, đảm bảo tính ổn định tương đối, tính hệ thống, tính mục đích của hoạt động, loại trừ được sự tùy tiện trong tổ chức hoạt động.

Xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục HS gặp trở ngại tâm lý trong học tập là một biện pháp quản lý không thể thiếu được của người HT trong công tác quản lý nhà trường.

3.2.4. Phát huy vai trò của đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh

3.2.4.1. Mục đích của biện pháp

Hiện nay, ở các trường THCS Bí thư Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội đều là giáo viên đứng lớp, công tác Bí thư Đoàn - Tổng phụ trách Đội là kiêm nhiệm. Vì vậy cần tạo điều kiện và thời gian như: thời khóa biểu, thời gian sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động ngoại khóa, cơ sở vật chất, tài chính... để công tác đoàn đội được thuận lợi và hiệu quả.

3.2.4.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Nội dung và cách thức thực hiện các hoạt động của Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên đều hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện thống nhất với nội dung trong bản kế hoạch của Hiệu trưởng. Tuy nhiên cần tạo điều kiện để Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên được chủ động phát huy khả năng của mình, để hình thức hoạt động dưới cờ không tẻ nhạt, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh.

Trong các hoạt động ngoại khóa Đoàn thanh niên chủ động đề ra các hình thức mới lạ, vừa mang tính giáo dục vừa thích hợp với lứa tuổi học sinh.

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp

Hiệu trưởng tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên - Đội thiếu niên làm tốt công tác phối hợp với GVCN.

Kế hoạch của Đoàn thanh niên - Đội thiếu niên như: phát động thi đua, điều động học sinh, vận động quyên góp... được phổ biến đến GVCN thông qua buổi họp giao ban đầu tuần với Hiệu trưởng hay phó Hiệu trưởng.

Do ảnh hưởng bởi nguyên tắc thu chi tài chính nên ngân sách dành cho hoạt động Đoàn rất hạn chế, vì vậy Hiệu trưởng nên tạo điều kiện để Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên có được sự hỗ trợ từ Ban ĐDCMHS.

3.2.5. Tăng cường kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý

3.2.5.1. Mục đích của biện pháp

Kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện của HS gặp trở ngại tâm lý trong học tập là khâu cuối cùng của một chu trình quản lý của Hiệu trưởng. Do đó, trong quản lý giáo dục HS gặp trở ngại tâm lý trong học tập, Hiệu trưởng cần phải thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.

3.2.5.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Để việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách khoa học, đảm bảo tính khách quan và chính xác, việc đầu tiên Hiệu trưởng cần thực hiện là:

- Thống nhất những biểu hiện hành vi của học sinh gặp trở ngại tâm lý ngay từ đầu năm học và xây dựng tiêu chí đánh giá. Hiệu trưởng sử dụng công cụ này để kiểm tra, đánh giá kết quả việc quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của GVBM và GVCN của các lớp.

- Hiệu trưởng cần yêu cầu các GVCN theo dõi, lập danh sách học sinh gặp trở ngại về tâm lý tương ứng với những biểu hiện hành vi của các em.

- Hiệu trưởng phổ biến cho GVCN cách kiểm tra đánh giá học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

- Hiệu trưởng yêu cầu GVCN theo dõi, ghi nhận sự tiến bộ của học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập theo học kỳ, năm học.

- Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN lập kế hoạch giúp đỡ học sinh có biểu hiện trở ngại tâm lý hoặc biểu dương khen thưởng những tiến bộ của học sinh gặp trở ngại tâm lý.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Để có thể kiểm tra đánh giá, đánh giá được kết quả công tác quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý của mình một cách khách quan, chính xác, kịp thời thì cuối học kỳ, cuối năm học, trong các buổi họp tổ chủ nhiệm, tổ chuyên môn, Hiệu trưởng yêu cầu GVCN công bố số học sinh gặp trở ngại về tâm lý, số học sinh đã tiến bộ và khắc phục và biện pháp giáo dục cho từng loại học sinh gặp trở ngại về tâm lý. Dựa vào kết quả trên, Hiệu trưởng đưa ra nhận định chung về tình hình thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý của nhà trường trong thời gian qua, tìm ra nguyên nhân của những thành công hoặc thất bại trong công tác này. Từ đó, đề ra biện pháp quản lý phù hợp nhằm thực hiện tốt hơn kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục trong thời gian tới.

3.2.6. Phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý

3.2.6.1. Mục đích của biện pháp

Tăng cường xã hội hóa giáo dục (XHHGD) là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội sẽ đem lại kết quả to lớn cho công tác GD và GD học sinh gặp trở ngại tâm lý. Đây là một xu thế và cũng là một đòi hỏi tất yếu của hoạt động giáo dục, đặc biệt là GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý trong thời kỳ phát triển nền kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế quốc tế, CNH - HĐH đất nước hiện nay.

Học sinh huyện Yên Sơn phần lớn là con em nông dân, điều kiện sống và trình độ dân trí của nhân dân trong khu vực còn nhiều hạn chế. Nhận thức của nhân dân địa phương về vai trò, nhiệm vụ, và mục tiêu của sự nghiệp GD nói chung và công tác GD học sinh gặp trở ngại tâm lý nói riêng mặc dù đã ngày càng được cải thiện, nâng cao nhưng vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Chính vì thế mà việc quan tâm, chăm lo cho giáo dục, GD học sinh gặp trở ngại tâm lý và việc học tập của con cái; nhiều gia

đình vẫn chưa được chú trọng, đầu tư đúng mức. Bên cạnh đó còn có một bộ phận gia đình học sinh gặp khó khăn trong mưu sinh không có thời gian, điều kiện quan tâm, chăm sóc con cái, nhiều gia đình cả bố và mẹ đi làm ăn xa ở các tỉnh thành phố lớn. Vì thế mà sự gắn kết phối hợp với nhà trường, xã hội trong giáo dục và GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý chưa được quan tâm thỏa đáng; thậm chí có một bộ phận còn thờ ơ, phó mặc việc giáo dục và GD trở ngại tâm lý cho con em mình vào nhà trường và xã hội, chưa có phương pháp giáo dục phù hợp với đặc trưng lứa tuổi của các em và những thay đổi chóng mặt của cuộc sống hiện đại.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa gia đình- nhà trường và xã hội khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và nhà trường nhằm GD trở ngại tâm lý cho học sinh; xác định vai trò, nhiệm vụ, chức năng của gia đình- nhà trường - xã hội tăng cường phát huy mặt tích cực của sự tác động qua lại giữa các lực lượng tham gia quá trình GD học sinh gặp trở ngại tâm lý, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phát huy tiềm năng của gia đình, xã hội và sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong công tác GD trở ngại tâm lý cho học sinh, nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

3.2.6.2. Nội dung và cách thực hiện

a. Sự phối hợp của nhà trường và gia đình

Cả nhà trường và gia đình đều có vai trò rất quan trọng đến chất lượng giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý, sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh THCS. Việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình là một đòi hỏi tất yếu và trách nhiệm của cả hai phía, nhưng trong thực tế của quá trình phối hợp cho thấy nhà trường phải đóng vai trò chủ đạo, hạt nhân và câu nổi quan trọng của sự phối hợp này là GVCN.

Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình được thực hiện bởi một số con đường chủ yếu đó là:

- Họp toàn thể cha mẹ học sinh của các lớp đầu năm, sơ kết học kỳ, cuối năm học và họp đột xuất, bất thường khi cần thiết.
- Mời cha mẹ học sinh đến trường khi học sinh có hành vi trở ngại tâm lý cần điều chỉnh và cần phải có sự kết hợp giữa nhà trường và gia đình.

- Thăm gia đình học sinh.
- Phối hợp với gia đình thông qua ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Trao đổi qua điện thoại, thư tín với cha mẹ học sinh.
- Phối hợp và trao đổi thông tin giữa nhà trường với gia đình và từ nhiều phía, bằng nhiều con đường.

Họp toàn thể cha mẹ học sinh của lớp: Các cuộc họp này thường được tổ chức định kỳ: đầu năm, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học và theo dõi nội dung chủ điểm, họp bất thường khi cần thiết. Các cuộc họp cần có kế hoạch, được chuẩn bị chu đáo từ cả hai phía nhà trường và PHHS, trong đó có vai trò then chốt là các GVCN.

GVCN phải thật sự là chiếc cầu nối giữa nhà trường, gia đình, lớp học, cá nhân học sinh với PHHS. Sự chuẩn bị cẩn thận, xây dựng nội dung phong phú, xác định mục tiêu cuộc họp rõ ràng cùng với trình độ điều khiển cuộc họp tốt và có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, kích thích khéo léo của GVCN tới PHHS sẽ là nhân tố quan trọng lôi cuốn được sự quan tâm tích cực, nhiệt tình tham gia giáo dục học sinh và gia đình học sinh. Từ đó nắm bắt được những thông tin phản hồi của phụ huynh về học sinh, nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của các bậc phụ huynh cũng như rút ra được những kinh nghiệm, những biện pháp giáo dục tốt, đồng thời nâng cao được nhận thức, trách nhiệm của các gia đình trong GD trở ngại tâm lý cho học sinh.

Mời cha mẹ học sinh đến trường khi có học sinh có biểu hiện nghiêm trọng về trở ngại tâm lý: Biện pháp phải được vận dụng linh hoạt, khéo léo tránh sự lạm dụng và có thái độ không đúng mực khi tiếp xúc. Qua cuộc gặp gỡ trao đổi với cha mẹ học sinh nhằm thông báo về tình hình giảng dạy, giáo dục của nhà trường và kết quả, học tập, rèn luyện của con em phụ huynh, đồng thời nắm bắt được những thông tin bổ sung, phản hồi từ phía gia đình các em. Từ đó cùng đến thống nhất để tìm ra nguyên nhân, lựa chọn biện pháp giáo dục và cam kết về sự phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường.

Thăm gia đình học sinh: Đây là hình thức được giáo viên chủ nhiệm áp dụng, đặc biệt là đối với gia đình có học sinh gặp trở ngại tâm lý. Qua thăm hỏi tăng thêm mối quan hệ gắn bó thân thiết, bổ sung trao đổi thông tin giữa gia đình và nhà trường.

Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành nhiệm vụ GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý.

Phối hợp với gia đình thông qua hệ thống ban đại diện cha mẹ học sinh và trường ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp: Các cuộc họp hội nghị, ngày lễ, kỷ niệm lớn, nhà trường mời các chi hội trưởng toàn trường cùng tham dự để cùng trao đổi, toạ đàm về những vấn đề lớn liên quan đến giáo dục và GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý.

Phối hợp với gia đình thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh trường: Ban đại diện cha mẹ học sinh được xây dựng trên cơ sở phiếu tín nhiệm của các Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp trong toàn trường dưới sự hướng dẫn của Hiệu trưởng và Hiệu phó phụ trách kỉ cương - nề nếp. Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh trường và thường trực Ban đại diện phải là những người ưu tú, có uy tín, có khả năng điều khiển tổ chức điều hành và phối hợp trong GD học sinh.

Kết quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh phụ thuộc vào uy tín, năng lực tổ chức, sự sáng tạo và nhiệt tình hoạt động của các thành viên trong Ban đại diện cấp trường và lớp là những hạt nhân, những con thoi tuyên truyền, phổ biến những quan điểm, nội dung, mục tiêu giáo dục và GD cho học sinh gặp trở ngại tâm lý của nhà trường tới PHHS; đồng thời động viên khích lệ PHHS nêu cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp với nhà trường trong GD trở ngại tâm lý cho con em họ. Ban đại diện cha mẹ học sinh cũng chính là những người nắm bắt chính xác, trọng tâm những tâm tư nguyện vọng, những ý kiến phản hồi của PHHS. Bên cạnh đó Ban đại diện cha mẹ học sinh còn tổ chức động viên cha mẹ học sinh đóng góp công sức, tiền của; ủng hộ về tinh thần cho nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục trong đó có GD trở ngại tâm lý cho HS.

Trao đổi qua điện thoại, thư tín với cha mẹ học sinh: Đây là con đường phối hợp rất linh hoạt, tiện lợi để cung cấp, trao đổi thông tin nhanh, kịp thời đặc biệt là những khi có biến động đột xuất, những sự việc cần giải quyết nhanh. Biện pháp này cũng rất hữu hiệu đối với giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý.

Xây dựng kênh thông tin thường xuyên giữa gia đình và nhà trường từ nhiều phía: Biện pháp này nhằm kịp thời thông báo, trao đổi về kết quả học tập, rèn luyện

của học sinh ở trường và ở nhà; biểu dương những mặt tích cực, kịp thời ngăn chặn, uốn nắn những lệch lạc của học sinh.

b. Nhà trường phối hợp với xã hội

Để công tác giáo dục trở ngại tâm lý cho học sinh đạt hiệu quả, người hiệu trưởng không thể không chú ý tới những tác động của xã hội đến sự hình thành và phát triển nhân cách của các em. Đó là phải chú ý tới việc giải quyết hợp lý các mối quan hệ với các lực lượng xã hội như quan hệ với các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, xã hội ở địa phương, cộng đồng dân cư, từ đó tăng cường phối hợp, tranh thủ lợi thế của các tổ chức, lực lượng xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác giáo dục trở ngại tâm lý cho học sinh.

Xác định nội dung cụ thể của công tác phối hợp với các cấp chính quyền, các tổ chức, đoàn thể xã hội nhằm giáo dục trở ngại tâm lý cho học sinh.

Các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể xã hội phải có trách nhiệm xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục trong nhà trường và thường xuyên chăm lo đến công tác GD trở ngại tâm lý cho HS trong đời sống cộng đồng.

Với các cơ quan Nhà nước có chức năng điều hành pháp luật và xã hội:

Các cơ quan, tổ chức xã hội: xây dựng môi trường GD lành mạnh qua tổ chức phối hợp với các cơ quan công an, y tế, các tổ chức xã hội, bằng nhiều hình thức như: Điều động cán bộ, tư vấn tập huấn, kết nghĩa, đỡ đầu, bảo trợ tham gia tổ chức các hoạt động GD học sinh, tuyên truyền cổ động cho các phong trào hoạt động văn hóa, xã hội. Phối hợp với các Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học huyện, xã và các tổ chức đoàn thể, cá nhân để làm tốt XHHGD, đẩy mạnh, đẩy mạnh phong trào “Dòng họ khuyến học”, “Làng, thôn khuyến học” và tích cực xây dựng “Xã hội học tập”.

Nhà trường cùng xã hội phối hợp cùng tạo ra quá trình giáo dục thống nhất và liên tục trong không gian và thời gian. Cụ thể là:

- + Thống nhất những quy định giáo dục giữa nhà trường và xã hội.
- + Thống nhất những hoạt động ở cộng đồng, tập thể học sinh được tham gia và những quy định học sinh phải chấp hành.

+ Trong mọi hoạt động, ở mọi nơi mọi lúc, các cấp chính quyền, đoàn thể, cộng đồng dân cư phải quan tâm tạo điều kiện chăm lo giáo dục trở ngại tâm lý cho thế hệ trẻ.

+ Các xã thôn, khu dân cư đẩy mạnh phong trào và chất lượng xây dựng gia đình văn hóa mới, chính là xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh ở cộng đồng dân cư.

Huy động và tranh thủ mọi sự ủng hộ cả về vật chất và tinh thần của các tổ chức, cá nhân, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển GD và cho công tác GD trở ngại tâm lý cho học sinh.

3.2.6.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp

- Hiệu trưởng phải nắm vững đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng xã hội, để xây dựng cơ chế phối hợp và khai thác tiềm năng của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác giáo dục trở ngại tâm lý cho học sinh.

- Nắm vững tình hình đời sống vật chất, tinh thần, thói quen sinh hoạt, phương pháp giáo dục con cái, tâm tư nguyện vọng của nhân dân địa phương, để thống nhất phối hợp với PHHS và gia đình trong giáo dục trở ngại tâm lý cho học sinh.

- Gia đình và các lực lượng, tổ chức xã hội ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong giáo dục trở ngại tâm lý cho học sinh và nhiệt tình tham gia, phối hợp, cộng tác với nhà trường để làm tốt công tác này.

- Cơ chế phối hợp phải xây dựng khoa học, chặt chẽ, hợp lý, linh hoạt phù hợp với đặc điểm, chức năng của từng tổ chức cá nhân, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức công kênh, tốn kém.

- Xây dựng được mạng lưới cộng tác viên sư phạm bao gồm các nhà hoạt động chính trị xã hội, các đoàn thể xã hội, các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội. Ban đại diện cha mẹ học sinh am hiểu về giáo dục và GD trở ngại tâm lý cho học sinh, có năng lực, có trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác phối hợp phát triển giáo dục. Đồng thời phải xây dựng được mạng lưới cộng tác viên nhà trường để thường xuyên tuyên truyền, vận động, thăm nắm thông tin, tình hình giáo dục học sinh trong gia đình, ở

địa phương, nơi các tổ chức đoàn thể kịp thời nắm bắt, xử lý thông tin, bổ sung, điều chỉnh hình thức biện pháp GD trở ngại tâm lý cho học sinh.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Biện pháp quản lí là một hệ thống đa dạng, năng động. Mỗi BPQL có những ưu điểm, những hạn chế nhất định và có những tác động khác nhau đến đối tượng quản lí. Không có biện pháp nào là vạn năng. Các BPQL có quan hệ qua lại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau trong cùng một hệ thống. Trong QLGD, đối tượng quản lí là những con người với những đặc điểm lứa tuổi, giới tính, trình độ, nhân cách khác nhau càng không thể có một phương pháp riêng lẻ nào là tối ưu.

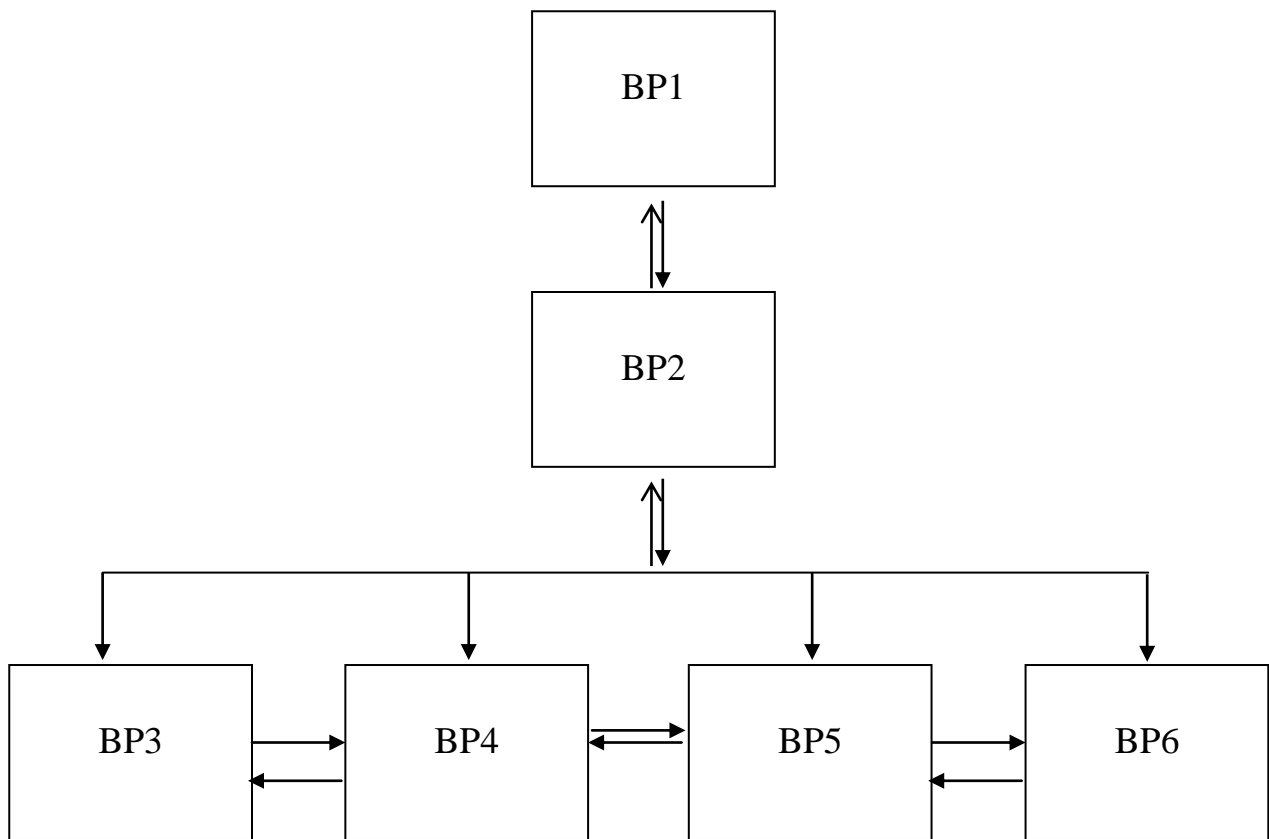
Chính vì vậy khi đề xuất và thực hiện các biện pháp quản lí, phải chú ý đến mối quan hệ của các biện pháp và biết phối hợp linh hoạt đồng bộ nhiều biện pháp trong hệ thống đa dạng năng động của nó, để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể.

Trong các biện pháp nêu trên, biện pháp: *“Nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS”* có ý nghĩa tiên quyết, tạo tiền đề để thực hiện hiệu quả các biện pháp khác. Nhận thức là cơ sở của hành động. không có nhận thức đúng đắn, sâu sắc thì không có hành động đúng và hiệu quả. Hành động ấy đạt kết quả cao phải chú ý đến tính tự giác, tự nguyện; sự tự ý thức, trách nhiệm của chủ thể hành động.

Biện pháp: *“Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập”* là biện pháp chủ đạo, có tác động mạnh, khả năng lớn: Biện pháp này bao quát và chi phối các biện pháp then chốt khác.

Các biện pháp *“tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề”*; *“phát huy vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh”*; *“tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý”*; *“phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý”* là những biện pháp then chốt, chủ lực để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch của hoạt động giáo dục tâm lý cho học sinh. Giữa các biện pháp then chốt này lại có mối quan hệ qua lại, tác động, tác động hỗ trợ lẫn nhau và chúng có cùng quan hệ biện chứng với hai biện pháp có vị trí tiên quyết và chủ đạo. Đây là

hệ thống biện pháp cơ bản giúp hiệu trưởng phát huy được sức mạnh tổng hợp, thực hiện tốt công tác quản lí hoạt động giáo dục tâm lý cho học sinh của mình.



Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp

3.4. Nhận thức của khách thể nghiên cứu về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

Từ việc khảo sát thực trạng quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập của 3 trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chúng tôi đã đề ra các biện pháp như đã nêu trên. Tuy nhiên tính cần thiết, tính khoa học và tính khả thi của các biện pháp trên cần phải được tiếp tục kiểm nghiệm qua thực tế trong thời gian tới. Khi khảo sát về tính cần thiết, tính khoa học và tính khả thi của các biện pháp trên đối tượng là CBQL và GVCN, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 3.1. Tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất (n = 36)

S TT	Biện pháp đề xuất	Tính cần thiết								Tính khả thi									
		Rất CT		CT		Ít CT		Không CT		Điểm TB	Rất Khả thi		Rất Khả thi		Ít khả thi		Không khả thi		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS	30	83.3	6	16.7	0	0	0	0	2.83	27	75	7	19.4	2	5.6	0	0	2.69
2	Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề.	31	86.1	5	13.9	0	0	0	0	2.86	30	83.3	6	16.7	0	0	0	0	2.83
3	Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong trong học tập.	32	88.9	4	11.1	0	0	0	0	2.9	23	63.9	10	27.8	3	8.3	0	0	2.6
4	Phát huy vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.	25	75	5	13.9	6	16.7	0	0	2.3	32	88.9	4	11.1	0	0	0	0	2.9
5	Tăng cường kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý.	33	92	3	8.3	0	0	0	0	2.92	30	83.3	4	11.1	2	5.6	0	0	2.8
6	Phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp	35	97.2	1	2.8	0	0	0	0	2.94	28	77.8	6	16.7	2	5.6	0	0	2.72

trở ngại tâm lý																			
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nhìn vào bảng bảng 3.1 chúng ta thấy: CBQL và GV cho rằng mức độ cần thiết của việc nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS ở mức độ khá điểm trung bình là: 2.83 và cũng ở biện pháp này CBQL và GV cho rằng mức độ khả thi là khá: 2.69. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đánh giá cao việc nhận thức của giáo viên trong việc giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý.

CBQL và GV cho rằng mức độ cần thiết phải tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề ở mức độ khá điểm trung bình là: 2.86 và cũng ở biện pháp này CBQL và GV cho rằng mức độ khả thi là khá: 2.83. Chứng tỏ CBQL và GV các trường cũng đánh giá cao việc tăng cường công tác chỉ đạo tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề.

CBQL và GV các trường cho rằng mức độ cần thiết của việc xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong trong học tập ở mức độ khá điểm trung bình là: 2.9 và cũng ở biện pháp này CBQL và GV cho rằng mức độ khả thi là khá: 2.6. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đánh giá cao việc xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong trong học tập.

CBQL và GV các trường cho rằng mức độ cần thiết của việc phát huy vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở mức độ khá điểm trung bình là: 2.3 và cũng ở biện pháp này CBQL và GV các trường cho rằng mức độ khả thi là khá: 2.9. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đánh giá cao vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

CBQL và GV các trường cho rằng mức độ cần thiết của việc tăng cường kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý ở mức độ tốt điểm trung bình là: 2.92 và cũng ở biện pháp này CBQL và GV các trường cho rằng mức độ khả thi là khá: 2.8. Chứng tỏ CBQL và GV các trường đánh giá rất cao việc tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý.

CBQL và GV các trường cho rằng mức độ cần thiết của sự phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý ở mức độ tốt là: 2.94 và cũng ở biện pháp này CBQL và GV các trường cho rằng mức độ khả thi là khá: 2.72. Chứng tỏ CBQL

và Gv các trường đánh giá rất cao sự phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý.

Bảng 3.2. Mức độ tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

STT	Các biện pháp quản lý	Tính cần thiết		Tính khả thi		Hiệu số	
		\bar{X}	Thứ bậc	\bar{Y}	Thứ bậc	d	d ²
1	Nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS	2.83	5	2.69	5	0	0
2	Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề.	2.86	4	2.83	2	2	4
3	Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.	2.9	3	2.6	6	-3	9
4	Phát huy vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.	2.3	6	2.9	1	5	1
5	Tăng cường kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý	2.92	2	2.8	3	-1	1
6	Phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý	2.94	1	2.72	4	-3	9
Tổng							24

Áp dụng công thức tính hệ số tương quan thứ bậc Spearman:

$$R = 1 - \frac{6 \sum d^2}{n(n^2 - 1)}$$

Với hệ số tương quan thứ bậc Spearman $R = + 0,81$ cho phép kết luận, giữa “Tính cần thiết” và “Tính khả thi” các biện pháp đề xuất có mối tương quan thuận và chặt chẽ với nhau.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về lý luận

Dựa trên cơ sở lý luận và kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập là một nội dung của quản lý HĐGD trong nhà trường. Quản lý hoạt động này được hiểu là sự quản lý của HT đối với HĐGD của GVCN và các hoạt động quản lý của các cấp liên quan đến hoạt động GD nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ GD.

- Nội dung quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại tâm lý bao gồm:

- + Lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.
- + Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.
- + Chỉ đạo thực hiện kế hoạch học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.
- + Kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

1.2. Về thực tiễn

Thực trạng công tác quản lý HĐGD ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang cho thấy:

- Tất cả các nội dung quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập đều được thực hiện, tuy mức độ khác nhau.

- Các nội dung quản lý mang tính thiết thực, phù hợp với đặc điểm của các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang như việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập.

- Các hoạt động mang tính chiến lược như nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại tâm lý, chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức nhiệm vụ theo chủ đề, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý, phát huy vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục NGLL cho học sinh, tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại tâm lý, phối hợp

thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý chưa được chú trọng đúng mức.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất 6 biện pháp:

- *Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của giáo viên về trở ngại về tâm lý và biện pháp khắc phục trở ngại tâm lý trong học tập của học sinh THCS.*

- *Biện pháp 2: Tăng cường chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm theo chủ đề.*

- *Biện pháp 3: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập theo từng học kỳ, năm học.*

- *Biện pháp 4: Phát huy vai trò của Đoàn đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.*

- *Biện pháp 5: Tăng cường kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh gặp trở ngại về tâm lý.*

- *Biện pháp 6: Phối hợp và thống nhất chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý.*

Công tác quản lý HĐGD học sinh gặp trở ngại về tâm lý ở các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang có nhiều kết quả đáng trân trọng. Tuy nhiên, còn một số tồn tại trong công tác quản lý của nhà trường, một số Hiệu trưởng xem nhẹ việc xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý, chưa đặt ngang tầm với việc xây dựng kế hoạch giảng dạy và kế hoạch năm học mà chỉ là một phần trong kế hoạch năm học. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch ở một số trường chưa nghiêm và chưa nhất quán, thiếu sâu sát, công tác kiểm tra đánh giá HĐGD học sinh gặp trở ngại tâm lý của GVCN chưa kịp thời.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục

- Cần chỉ đạo các trường cụ thể hóa kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý từng năm học. Hằng năm nên tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề về giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý để các trường có thể học hỏi kinh nghiệm lẫn

nhau trong công tác quản lý.

- Tăng cường việc giáo dục trở ngại tâm lý hơn nữa thông qua hoạt động ngoại khóa, tổ chức nhiều hoạt động vui chơi - thể dục - thể thao.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho giáo viên chủ nhiệm kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm giáo dục HS gặp trở ngại về tâm lý.

- Mở những lớp tập huấn về chuyên đề giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

- Chỉ đạo các hoạt động ngoài giờ lên lớp, động viên khen thưởng các trường đạt hiệu quả trong công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý.

- Trang bị cơ sở vật chất (báo đài, tivi), tạo điều kiện cho GVCN cập nhật kiến thức, thông tin mới.

2.2. Đối với trường học THCS

- Tuyên truyền và vận động các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường thấy được tầm quan trọng của hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý, có ý thức chủ động tích cực tham gia vào hoạt động này.

- Cần xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý cụ thể cho từng học kỳ và năm học. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Tạo điều kiện cho GVCN xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm tâm lý và điều kiện thực tế của HS gặp trở ngại về tâm lý ở lớp chủ nhiệm.

- Xây dựng đội ngũ GVCN có năng lực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao đối với các hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý, đồng thời là người tư vấn tốt cho học sinh.

- Học tổ chủ nhiệm thường xuyên, định kỳ để có biện pháp xử lý kịp thời vi phạm của HS gặp trở ngại tâm lý.

- Nắm sâu sát hơn đặc điểm từng học sinh để có phương pháp cảm hóa kịp thời, đúng đối tượng, kịp thời khen thưởng những học sinh gặp trở ngại tâm lý khi các em có tiến bộ.

- Giáo dục HS gặp trở ngại tâm lý trong trường phải được tiến hành đồng bộ

với giáo dục trí tuệ - giáo dục lao động - giáo dục thể chất và thẩm mỹ.

- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể nhưng phải được tổ chức chu đáo có nội dung tư tưởng chính trị. Cần có sự đầu tư thích đáng (thời gian, cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động đoàn thể, các hoạt động ngoại khóa...) chú ý đến các hình thức tuyên truyền sao cho phù hợp với tâm lý học sinh trong giai đoạn hiện nay.

- Hằng năm Hiệu trưởng cần phổ biến cho phụ huynh biết những quy định của Bộ, Sở, Phòng, nội qui nhà trường, các biện pháp thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý, tạo điều kiện cho phụ huynh được góp ý xây dựng biện pháp giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong nhà trường. Từ đó tạo nên sự thống nhất cao và hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong công tác giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Nhân Ái (2001), *Tìm hiểu những khó khăn tâm lý trong quá trình giải bài tập hình học của học sinh lớp 11 THPT*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
2. Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học: 2012 - 2013; 2013 - 2014; 2014 - 2015, Phòng Giáo dục huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
3. Đặng Quốc Bảo (1997), *Một số khái niệm về quản lý giáo dục*, Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
4. BianKa Zazzo (1990), *Bước chuyển từ mẫu giáo lên lớp 1*, NXB Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, Hà Nội.
5. Bộ GDĐT (1995), *Điều lệ trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Debesse Maurice (1971), *Tâm lý nhi đồng*, NXB trẻ, Hà Nội.
7. *Điều lệ trường THCS, THPT - Bộ GDĐT ngày 11/7/2000*.
8. Vũ Ngọc Hà (2003), "Một số trở ngại tâm lý của trẻ khi vào học lớp 1", *Tạp chí tâm lý học*, (số 4), tr.57 - 58.
9. Nguyễn Minh Hải (1995), "Những khó khăn tâm lý trong quá trình giải toán của học sinh tiểu học", *Tạp chí nghiên cứu Giáo dục*, (số 4), tr.25.
10. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Kế hoạch (số 30), *Kế hoạch của UBND tỉnh về chỉ tiêu xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia*.
12. Nghị quyết số 07, *Nghị quyết tỉnh ủy V/v nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo*.
13. Nguyễn Thị Nhất (1992), *Sáu tuổi vào lớp 1*, NXB Kim Đồng, Trung tâm nghiên cứu trẻ em.
14. Petrovski A.V (1982), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý Giáo dục*, Trường CBQL GDTWI.
16. Quyết định (số 19/2008), *Quyết định UBND tỉnh V/v quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp GD & ĐT tỉnh Tuyên Quang từ 2010 - 2020*.

17. Quyết định (số 305/1986), *Quyết định của Bộ GD & ĐT về mục tiêu cấp học và mục tiêu hoạt động giáo dục*, 26/3/2006.
18. Quyết định (số 329/1990), *Quyết định của Bộ GD & ĐT về mục tiêu cấp học và mục tiêu hoạt động giáo dục*, 31/3/1990.
19. Quyết định (số 07/2007), *Quyết định của Bộ trưởng BGD & ĐT theo điều lệ trường THCS - THPT về hợp tổ - nhóm chuyên môn*, 2/04/2007.
20. Hoàng Tâm Sơn (2001), *Một số vấn đề tổ chức khoa học lao động của người Hiệu trưởng*, Trường CBQL GD & ĐT, Thành phố HCM.
21. Nguyễn Thanh Sơn (1998), "Những khó khăn của học sinh miền núi khi học tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam", *Tạp chí nghiên cứu Giáo dục*, (số 4/1998).
22. Tâm lý học trẻ em, NXB, Hà Nội, 1996.
23. Thông tư 29 về xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh, *Văn bản Bộ GDĐT*, 16/10/1990.
24. Nguyễn Xuân Thúc (2004), *Các nguyên nhân dẫn đến khó khăn tâm lý của học sinh đi học lớp 1*, (số 2/2004), tr.32 - 33 - 34 - 35.
25. Từ điển Anh - Việt, "Difficulty" hoặc "hardship".
26. Từ điển Tiếng Việt, Trở ngại, tr.357.
27. Phạm Ngọc Viễn (1991), *Tâm lý học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội, tr.28 - 34.
28. Nguyễn Khắc Viện (2000), *Nỗi khổ của con em chúng ta*, NXB trẻ, Hà Nội.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho BGH, GVCN, GVBM)

Kính thưa các thầy, công tác tại trường THCS Chân Sơn, Thắng Quân, Trung Môn, Kim Phú, Hoàng Khai, Phú Lâm huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Để giúp chúng tôi tìm hiểu về công tác quản lý giáo dục (GD) học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập tại các trường THCS huyện Yên Sơn, nhằm đề xuất những biện pháp quản lý góp phần nâng cao chất lượng GD học sinh. Kính mong quý thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với ý kiến của Quý thầy/cô

Chân thành sự cảm ơn sự hợp tác của quý thầy, cô.

Cương vị công tác của quý thầy, cô:

1. Hiệu trưởng
2. Phó hiệu trưởng
3. Giáo viên chủ nhiệm, GVBM:

Câu 1. Quý thầy/ cô cho biết ý kiến của bản thân về mức độ quan trọng của nội dung quản lý dưới đây:

STT	NỘI DUNG QUẢN LÝ	MỨC ĐỘ QUAN TRỌNG			
		RQT	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Lập kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập				
2	Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập				
3	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập				
4	Kiểm tra việc thực hiện giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập				
5	Ý kiến khác.....				

Câu 9. Quý thầy/cô cho biết ý kiến của bản thân về những yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại về tâm lý trong học tập ở trường Quý Thầy/cô đang công tác

STT	YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG	MỨC ĐỘ GÂY ẢNH HƯỞNG			
		Nhiều	Vừa	Ít	Không
1	Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thiếu rõ ràng.				
2	Kiến thức và phương pháp giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý của một số GVCN còn hạn chế.				
3	Sự phối hợp giữa GVCN với GVBM, Đoàn đội, Ban ĐDCMHS chưa thống nhất, thiếu đồng bộ. Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập thiếu rõ ràng.				
4	Những tác động xấu từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.				
5	Điều kiện thời gian, cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý không đầy đủ.				
6	Ý kiến khác.....				

PHỤ LỤC 2

PHÒNG DG - ĐT HUYỆN YÊN SƠN

Trường THCS.....

Lớp:.....

PHIẾU ĐIỀU TRA HỌC SINH GẶP TRỞ NGẠI TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP

(Dành cho GVCN, GVBM)

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Biểu hiện của hành vi					
		1	2	3	4	5	6
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Yên Sơn, ngày.....tháng.....năm.....

GVCN

(ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Xin thầy cô chủ nhiệm ghi họ và tên học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập.
 - Đánh dấu (X) vào cột 1,2,3,4,5,6 ứng với các hành vi trở ngại tâm lý của các em.
1. Gò bó, lúng túng, ngượng nghịu, không tự nhiên, bộc phát.
 2. Ngại ngùng khi tiếp xúc với mọi người.
 3. Thụ động, không dám phát biểu/ trao đổi bài học.
 4. Phát biểu nhỏ, lí nhí khi có yêu cầu.
 5. Thô lỗ, nóng nảy với mọi người khi tiếp xúc.
 6. Xa lánh thầy cô, bạn bè.

PHIẾU KHẢO CỨU

(Dành cho BGH, GVCN, GVBM)

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tại các trường THCS huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chúng tôi đề xuất một số biện pháp trong nội dung quản lý hoạt động giáo dục học sinh gặp trở ngại tâm lý trong học tập. Xin quý thầy, cô vui lòng nghiên cứu và cho biết ý kiến của mình về các đề xuất sau bằng cách đánh dấu (X) vào ô chọn trong các bảng tương ứng với ý kiến của quý thầy cô.

Chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý thầy cô.

Cương vị công tác của quý thầy, cô:

1. Hiệu trưởng
2. Phó hiệu trưởng
3. Giáo viên chủ nhiệm

